

CÔNG TY TNHH PHƯỚC THÀNH



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

KHAI THÁC, CHẾ BIẾN
ĐÁ XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
HỒ HÀNH 1

Địa điểm: phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa

Khánh Hòa, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
MỞ ĐẦU	1
1. Xuất xứ của dự án	1
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	1
2.1. Các văn bản pháp luật.....	1
2.2. Văn bản pháp lý liên quan dự án	3
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường	4
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	5
1.1. Thông tin chung về dự án	5
1.1.1. Thông tin dự án	5
1.1.2. Thông tin chủ dự án	5
1.1.3. Vị trí địa lý địa điểm thực hiện dự án	5
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.....	5
1.1.5. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.....	6
1.2. Các hạng mục công trình dự án	8
1.2.1. Các hạng mục công trình xử lý chất thải bảo vệ môi trường.....	10
1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành.....	16
1.3.1. Công nghệ khai thác.....	16
1.3.2. Hệ thống khai thác	17
1.3.3. Trình tự khai thác	18
1.3.4. Công tác khoan nổ mìn	19
1.3.5. Thiết bị đồng bộ với công nghệ hệ thống khai thác.....	20
1.4. Tiến độ, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	21
1.4.1. Tiến độ thực hiện	21
1.4.2. Chế độ quản lý và thực hiện dự án.....	21
CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	23
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	23
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	23
2.2. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	25
2.3. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	25

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	26
3.1. Tóm tắt các vấn đề môi trường chính của dự án	26
3.1.1. Các tác động liên quan đến chất thải.....	26
3.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải	27
3.1.3. Tác động các rủi ro, sự cố môi trường:	27
3.2. Danh mục công trình biện pháp bảo vệ môi trường.....	27
3.2.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải.....	27
3.2.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải.....	27
3.2.3. Công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.....	28
3.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung.....	28
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	30
4.1. Khu vực khai thác.....	30
4.2. Khu vực chế biến.....	30
CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	31
5.1. Chương trình giám sát môi trường	31
5.1.1. Giám sát môi trường không khí	31
5.1.2. Giám sát môi trường nước mặt	31
5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.....	31
5.1.4. Các chương trình giám sát khác (giám sát sụt lún, trượt lở).....	32
5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	32
CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	33
6.1. Kết luận	33
6.2. Cam kết.....	34

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

Dự án khai thác làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (*nay là phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa*) do Công ty TNHH Phước Thành làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 37121000273 ngày 20/3/2012 và Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012. Theo đó, diện tích cấp phép khu vực khai thác là 25 ha với thời gian thực hiện dự án là 37 (*ba mươi bảy*) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (*trong đó thời gian XD/CB là 1 năm, thời gian khai thác là 35,5 năm, thời gian cải tạo phục hồi môi trường là 0,5 năm*). Công suất khai thác đã được cấp phép là 200.000 m³/năm. Về đánh giá tác động môi trường, UBND tỉnh đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (*ĐTM*) tại Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 23/9/2009.

Hiện nay, do nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng, vật liệu san lấp trong khu vực đang tăng cao và Công ty có thị trường tiêu thụ các loại khoáng sản trên với sản lượng lớn nên Công ty đang tiến hành lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác để tăng công suất và kết hợp khai thác khoáng sản đi kèm đất tầng phủ với công suất khai thác như sau:

- Khai thác đá xây dựng: điều chỉnh từ 200.000 m³/năm lên 450.000 m³ nguyên khối/năm (*nguyên khối*).

- Khoáng sản đi kèm đất tầng phủ làm vật liệu san lấp: 200.000 m³/năm.

Căn cứ khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, các dự án đã có ĐTM được phê duyệt nhưng có điều chỉnh nội dung về quy mô, công suất, công nghệ, đối tượng khai thác... dẫn đến thay đổi đáng kể tác động môi trường thì phải thực hiện lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Như vậy, dự án điều chỉnh mỏ đá Hồ Hành 1 thuộc đối tượng phải lập lại ĐTM theo Phụ lục IV (số thứ tự 8 và 10) ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM là Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa (*theo khoản 4 Điều 62 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường*).

Việc lập lại Báo cáo ĐTM trong giai đoạn hiện nay là bắt buộc và cần thiết, nhằm: Đánh giá cập nhật các tác động mới phát sinh từ phương án điều chỉnh; Bổ sung biện pháp quản lý, giám sát môi trường phù hợp với công nghệ hiện đại; Đáp ứng yêu cầu pháp lý và minh chứng cho việc tuân thủ trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp. Từ đó, làm cơ sở để điều chỉnh giấy phép khai thác, tiếp tục triển khai dự án theo đúng quy hoạch và định hướng phát triển bền vững của tỉnh và quốc gia.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (*ĐTM*)

2.1. Các văn bản pháp luật

❖ Luật

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020;

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2024;

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/06/2014.

- Luật đa dạng Sinh học số 32/VBHN-VPQH của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 10/12/2018;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 18/01/2024;

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2024.

- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/11/2024;

❖ **Nghị định**

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.

❖ Thông tư

- Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

- Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/05/2025 của Bộ Công thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 31/2025/TT-BCT ngày 16/05/2025 của Bộ Công thương quy định quy định nội dung thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ.

2.2. Văn bản pháp lý liên quan dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200544389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa (cũ) cấp lần đầu ngày 19/02/2024, Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 03/09/2025;

- Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1092/HP-UBND ngày 14/5/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép Công ty TNHH Phước Thành được thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, TX.Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 09/6/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000273 ngày 20/3/2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định phê duyệt thiết kế số 33/2012 ngày 07/11/2012;

- Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 30/01/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh về việc Về việc phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012;

- Quyết định số 2935 ngày 12/11/2024 về việc đính chính Giấy phép khai thác số 2119 ngày 27/8/2012;

- Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 Về việc cho Công ty TNHH Phước Thành thuê đất tại mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để khai thác đã làm vật liệu xây dựng thông thường;

- Hợp đồng cho thuê đất số 98/2012/HĐTĐ ngày 14/12/2012;

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường ngày 08/01/2019;

- Quyết định 109/QĐ-PT ngày 09/10/2025 của Công ty TNHH Phước Thành về việc Điều chỉnh xin Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000273 do UBND tỉnh ngày 20/3/2012 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Công ty đã phối hợp đơn vị tư vấn tiến hành xây dựng Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Báo cáo ĐTM là báo cáo được xây dựng trên cơ sở hoạt động của dự án từ đó tiến hành thiết lập những tác động tích cực và tiêu cực đến các lĩnh vực đặc biệt là môi trường tự nhiên do dự án mang lại. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp khoa học, kỹ thuật nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động xấu đến môi trường, đưa ra các chính sách hoạt động cụ thể và chương trình hành động trong tương lai.

Trong quá trình thực hiện, Chủ dự án nhận được sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng sau:

- Ủy ban nhân dân xã;

- Ủy ban nhân dân huyện;

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Thông tin dự án

- Tên Dự án: Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1;
- Địa điểm thực hiện dự án: phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa.

1.1.2. Thông tin chủ dự án

- Chủ dự án: Công ty TNHH Phước Thành;
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Giải Phóng, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam;
- Điện thoại: 058.3 968388 Fax: 058.3 968388
- Thông tin người đại diện pháp luật:
 - + Người đại diện pháp luật: Nguyễn Duy Châu
 - + Chức vụ: Giám đốc
 - + Chỗ ở hiện nay: Phường Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

1.1.3. Vị trí địa lý địa điểm thực hiện dự án

Mỏ đá Hồ Hành 1 có diện tích 25 ha, thuộc xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Mỏ cách quốc lộ 1A khoảng 1km về phía Đông.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cho phép Công ty TNHH Phước Thành khai đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa thì diện tích cấp phép khu vực khai thác là 25 ha (24,8516 ha thực tế) được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

Bảng 1-1: Tọa độ vị trí thực hiện dự án

TT	Điểm	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 108 ⁰ 15' múi 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
1	A	1318473,64	593175,30
2	B	1318322,26	593479,37
3	C	1317808,25	592915,43
4	D	1318103,99	592702,00
5	E	1318292,00	592844,00

(Nguồn: Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012)

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

Dự án đang hoạt động khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh. Tổng diện tích đất sử dụng là 25 ha (250.000 m²) theo Quyết định cho thuê đất số Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 và Hợp đồng thuê đất số 98/2012/HĐTĐ ngày 14/12/2012.

Diện tích khu vực dự án hiện nay đã hình thành moong khai thác với diện tích đã tác động 110.738,99 m². Riêng phần diện tích thuộc các công trình phụ trợ như: bãi thải, khu vực nghiền sàng, khu văn phòng chủ dự án đã tiến hành mua đất của người dân trong khu vực khoảng 3,5ha.

Toàn bộ phần diện tích đất được Công ty sử dụng ổn định từ khi được cấp phép khai thác đến nay.



Hình 1-1: Bản đồ vệ tinh vị trí dự án

1.1.5. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

1.1.5.1. Mục tiêu dự án

- Nâng công suất khai thác, chế biến đá xây dựng để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thị trường.

- Tận thu khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ) của dự án cung ứng thị trường.

- Tạo công ăn việc làm cho người lao động và lợi nhuận cho Công ty. Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

- Đóng góp cho ngân sách nhà nước thông qua việc thực hiện nghĩa vụ thuế gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên và các khoản phí khác.

1.1.5.2. Quy mô thực hiện dự án

a. Biên giới khai trường

Dự án thuộc khu vực phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa được triển khai với diện tích cấp phép là 25ha được giới hạn bởi các điểm khép góc được ghi tại Bảng 1-1 với các kích thước như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	<i>Biên giới trên mặt</i>		
-	Chiều dài lớn nhất trên mặt	m	763
-	Chiều rộng lớn nhất trên mặt	m	406,5
-	Diện tích trên mặt mỏ		248.516
+	Diện tích khai thác	m ²	221.849,11
+	Diện tích đai bảo vệ		32.601,4
-	Cao độ trên mặt (cote +m)	m	Từ cote +25,8 m đến cote +229,5 m
2	<i>Biên giới đáy</i>		
-	Chiều dài lớn nhất dưới đáy	m	628,1
-	Chiều rộng lớn nhất dưới đáy	m	305,5
-	Diện tích đáy mỏ	m ²	132.902,89
-	Cao độ đáy		Từ cote +24,2 m đến Cote +35 m

(Nguồn: Báo cáo kinh tế kỹ thuật)

b. Trữ lượng khai trường

Dự án được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 theo đó:

- Trữ lượng đá xây dựng khai thác là: 7.151.618 m³;

- Trữ lượng đất san lấp đi kèm là: 53.828 m³.

Căn cứ số liệu báo cáo định kỳ hằng năm đã được thống kê, báo cáo đến nay Công ty đã khai thác 2.739.020 m³. Trữ lượng thực hiện khai thác sau điều chỉnh nâng công suất:

- Trữ lượng đá xây dựng: 4.412.598 m³;

- Trữ lượng đất phủ: 53.828 m³.

c. Công suất dự án

- Nâng công suất khai thác, chế biến đá xây dựng từ 200.000 m³ nguyên khối/năm lên 450.000 m³ nguyên khối/năm (tương ứng 663.750 m³ nguyên khai/năm) để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thị trường.

- Tận thu khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ): 200.000 m³ nguyên khối/năm, tương đương 258.000 m³ nguyên khai /năm.

d. Thời gian thực hiện dự án

Thời gian thực hiện dự án là 10 năm kể từ ngày cấp Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012.

Kế hoạch khai thác dự án sau điều chỉnh công suất:

Năm	Khối lượng nguyên khối (m ³)			Hệ số nở ròi		Khối lượng nguyên khai (m ³)		
	Đá XD	Lớp phủ	Tổng cộng	Đá XD	Lớp phủ	Đá XD	Lớp phủ	Tổng cộng
1	450.000	200.000	650.000	1,475	1,29	663.750	258.000	921.750
2	450.000	200.000	650.000	1,475	1,29	663.750	258.000	921.750
3	450.000	200.000	650.000	1,475	1,29	663.750	258.000	921.750
4	450.000	200.000	650.000	1,475	1,29	663.750	258.000	921.750
5	450.000	115.134	565.134	1,475	1,29	663.750	148.523	812.273
6	450.000		450.000	1,475	1,29	663.750		663.750
7	450.000		450.000	1,475	1,29	663.750		663.750
8	450.000		450.000	1,475	1,29	663.750		663.750
9	450.000		450.000	1,475	1,29	663.750		663.750
9.8	362.598		362.598	1,475	1,29	534.833		534.833
Tổng	4.412.598	915.134	5.327.732			6.508.583	1.180.523	7.689.105

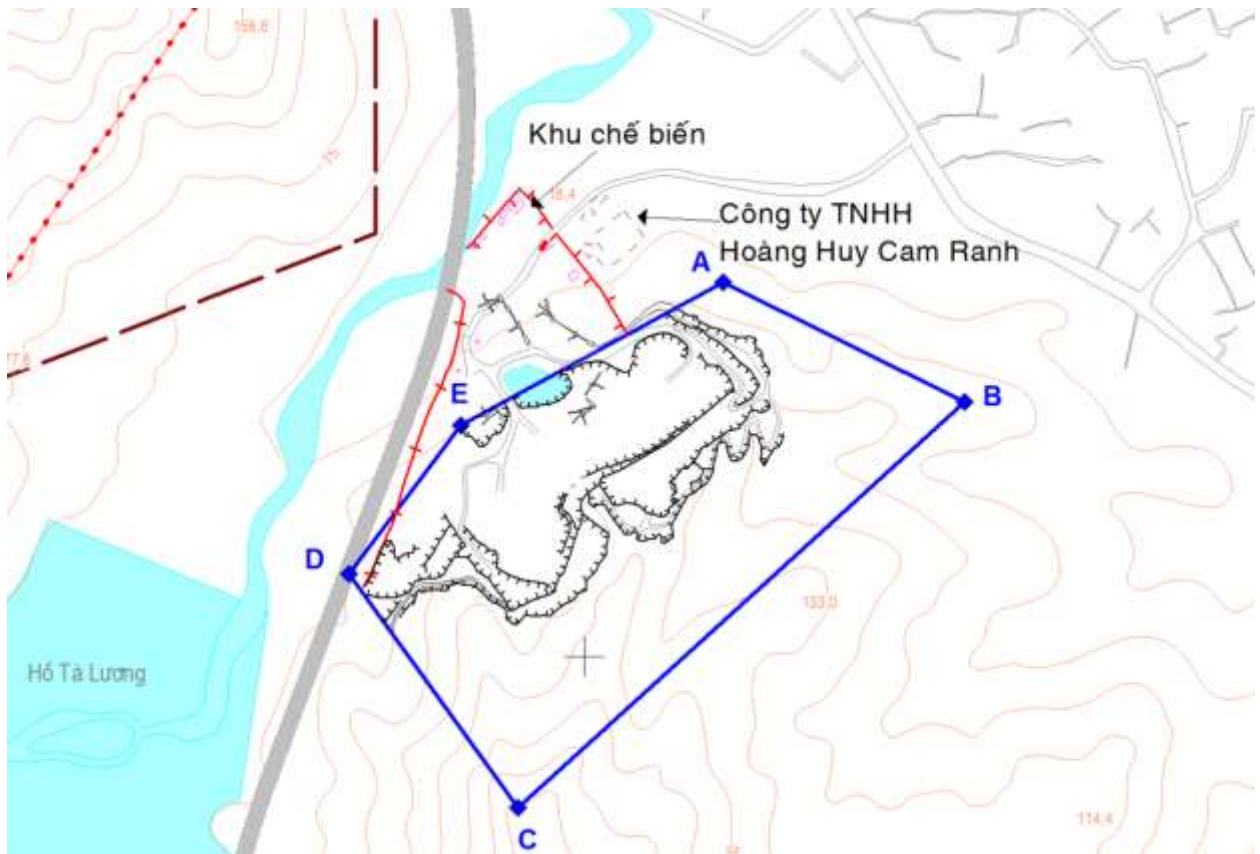
(Nguồn: Báo cáo kinh tế kỹ thuật)

1.2. Các hạng mục công trình dự án

Dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1 do Công ty TNHH Phước Thành làm chủ đầu tư đã hoàn thiện pháp lý đi vào hoạt động từ năm 2012. Đến nay tại khu vực thực hiện dự án Công ty đã bố trí các hạng mục công trình phục vụ hoạt động cơ bản đảm bảo công suất sau điều chỉnh. Các hạng mục công trình tại dự án gồm:

STT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Khu chế biến		
1	Bãi tập kết nguyên liệu	m ²	1.000
2	Xưởng nghiền	m ²	4.220
3	Kho thành phẩm	m ²	1.200

STT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Khu chế biến		
4	Móng dây chuyền máy	m ²	100
5	Kho vật tư, xưởng SC cơ khí, bảo trì	m ²	100
6	Kho chứa CTNH và CTR thông thường	m ²	6
II	Khu văn phòng		
1	Văn phòng hội trường	m ²	231
2	Nhà ở CNV	m ²	50
3	Nhà bếp, nhà ăn	m ²	67
4	Nhà để xe	m ²	35
5	Tường, cổng nhà máy	m ²	321
6	Nhà vệ sinh, nhà tắm	m ²	32
7	Nhà bảo vệ	m ²	68
8	Trạm cân	trạm	1
III	Hệ thống điện		
1	Trạm hạ thế 630 KVA	Hệ	1
2	Hệ thống điện sản xuất	Hệ	1
3	Hệ thống điện sinh hoạt, bảo vệ	Hệ	1
IV	Hệ thống nước		
1	Hệ thống trạm bơm nước	Hệ thống	1
2	Bể chứa nước	cái	1
3	Hệ thống bể nước cứu hỏa	Hệ thống	1
V	Đường		
1	Đường nội bộ nhà máy+đường ngoài mỏ	m ²	320
2	San ủi mặt bằng khai thác	m ²	4300
3	Đường nội mỏ	m ²	210



Hình 1-2: Tổng mặt bằng dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình xử lý chất thải bảo vệ môi trường

Hiện nay mỏ đang khai thác theo công suất 200.000 m³/năm (nguyên khối), một số các công trình bảo vệ môi trường đã được công ty xây dựng và đang hoạt động ổn định. Trên cơ sở công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, đánh giá khả năng đáp ứng cho dự án điều chỉnh nâng công suất như sau:

1.2.1.1. Công trình thu gom xử lý nước thải, nước mưa

a. Thu gom, xử lý nước thải

Hoạt động khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất; Nước thải phát sinh tại khu vực mỏ là nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân Công ty khoảng 50 người, ước tính thực tế nước thải phát sinh trung bình khoảng 3 m³/ngày đêm được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn cải tiến theo công nghệ BASTAF dung tích khoảng 15m³ để xử lý giảm thiểu các thành phần ô nhiễm đáp ứng quy chuẩn môi trường hiện hành. Quy trình xử lý cụ thể như sau:

Nước thải tập trung về ngăn chứa và lên men cặn → Qua ngăn lắng → ngăn lọc có vật liệu → Thẩm đất.

b. Thu gom, xử lý nước mưa

Nước mưa tại khu vực nghiền sàng: tự chảy theo bề mặt dốc của địa hình về phía Bắc.

Nước mưa tại các moong khai thác: chảy về 02 ao lắng được hình thành từ các đáy moong khai thác trước đây với dung tích chứa 70.000 m³ và 30.000 m³, nguồn nước tại 02

ao lắng này để dự trữ phục vụ cho hệ thống giảm thiểu bụi trong hoạt động khai thác, chế biến của Công ty.

1.2.1.2. Công trình xử lý bụi, khí thải

Hoạt động của Công ty phát sinh chủ yếu liên quan đến bụi trong quá trình khai thác, chế biến. Để xử lý bụi Công ty đã thực hiện đầu tư các công trình xử lý bụi như sau:

a. Hệ thống tưới nước giảm thiểu bụi

Bao gồm đường ống, máy bơm nước để thực hiện tưới nước tại các hàm nghiền và các đầu băng tải để giảm thiểu bụi trong quá trình nghiền, sàng của 03 hàm nghiền: 02 hàm nghiền hoạt động thường xuyên và 01 hàm nghiền để dự phòng (*2 hàm công suất 250 tấn/giờ; 1 hàm công suất 150 tấn/giờ*).

b. Xe bồn phục vụ tưới nước

Công ty đã bố trí 01 xe bồn để phục vụ việc tưới nước vào những ngày trời nắng từ khu vực mỏ ra tới đường Quốc lộ 1A để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển, định mức 01 chuyến/30 phút.

c. Trồng cây xanh

Công ty đã thực hiện trồng cây bạch đàn tại khu vực chế biến và quanh hàng rào để giảm thiểu bụi trong quá trình khai thác, chế biến; việc trồng cây xanh tại các moong khai thác chỉ thực hiện khi đã kết thúc khai thác.

Ngoài ra Công ty còn thực hiện các biện pháp để giảm thiểu bụi, khí thải như: Xây dựng tường rào khu vực phía Tây của dự án để hạn chế đất đá thoát ra Suối Cạn; định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; chờ đúng trọng lượng cho phép và che bạt kín các thùng xe vận chuyển đá; thực hiện dọn dẹp tuyến đường vận chuyển nếu có rơi vãi đất, đá.

Định kỳ 06 tháng/lần Công ty đều thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ đối với không khí xung quanh tại khu vực moong khai thác, khu vực nghiền sàng; khu vực gần đường vận chuyển.

1.2.1.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Lượng chất thải sinh hoạt của Công ty phát sinh không đáng kể, Công ty đã bố trí các thùng phuy để thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt; thực hiện phân loại tại nguồn để xử lý theo quy định.

b. Đối với đất đá thải:

Công ty đã bố trí bãi thải tạm với diện tích khoảng 3.000m² chủ yếu để tập kết đá thải (chủ yếu là đá dăm), phần vật liệu này được cơ sở sản xuất gạch không nung sử dụng để sản xuất gạch không nung.

c. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Công ty đã bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại khoảng 6m², có mái che và cửa; nền tráng bê tông, có xây gờ để ngăn nước mưa không tràn vào; bố trí thùng cát, bình chữa

cháy và các thùng Phuy để lưu giữ các loại chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, bao bì cứng bằng nhựa thải; bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải.

1.2.1.4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ khác:

- Công ty có lắp đặt một số biển báo nguy hiểm trong khu vực mỏ;
- Xây dựng tường rào phía Tây dự án;
- Bố trí thùng cát và bình chữa cháy.

Bảng 1-2: Bảng tổng hợp các công trình BVMT cho dự án

STT	Tên hạng mục công trình (khu vực)	Các công trình BVMT đã phê duyệt	Các công trình BVMT đã hoàn thành	Các công trình BVMT sử dụng cho dự án điều chỉnh nâng công suất
1	Hàng rào quanh khu mỏ			
1.1		Thực hiện biện pháp trồng cây xanh trên bờ moong khai thác, dọc hai bên đường vận chuyển theo hình thức cuốn chiếu nhằm phục hồi thảm thực vật, xây dựng hàng rào cây xanh trong khu vực	Công ty đã thực hiện trồng cây bạch đàn tại khu vực chế biến	
2	Công trình xử lý nước tháo khô mỏ, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất			
2.1	Nước thải sinh hoạt	Xây dựng 02 nhà vệ sinh có kết cấu bằng bê tông 3 ngăn, dung tích 10m ³ (dài 3m, rộng 2,1m, sâu 1,7m, bằng gạch). Nước thải sinh hoạt từ hố ga → ngăn xử lý → xử lý bằng chế phẩm sinh học → ngăn thấm → thấm rút xuống đất.	Tại khu văn phòng bố trí 01 nhà vệ sinh (có kết cấu bê tông 03 ngăn), thể tích 15 m ³ . Nước thải tập trung về ngăn chứa và lên men cặn → Qua ngăn lắng → ngăn lọc có vật liệu → Thấm đất	Nâng cấp, bổ sung hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt : Quy trình : Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích chứa 15 m ³) → Hệ thống xử lý nước thải (6 m ³ /ngày.đêm) → suối Trà Dục.

STT	Tên hạng mục công trình (khu vực)	Các công trình BVMT đã phê duyệt	Các công trình BVMT đã hoàn thành	Các công trình BVMT sử dụng cho dự án điều chỉnh nâng công suất
2.2	Nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác	Thiết kế có độ dốc nghiêng ra ngoài (khoảng 2%) đảm bảo thoát nước bề mặt, hướng dòng tự chảy về ao lắng lưu trữ, sử dụng phục vụ dự án Khi địa hình khai thác >cote+65m: Nước mưa → rãnh → ao lắng.	- Chạy về 02 ao lắng được hình thành từ các đáy moong khai thác trước đây với dung tích chứa 70.000 m ³ và 30.000 m ³ . Lưu chứa và sử dụng. Quy trình xử lý: Nước mưa → rãnh → Hồ lắng → sử dụng tưới cây, tưới giảm bụi.	Tiếp tục sử dụng ao lắng thu gom nước mưa chảy tràn.
2.3	Sân công nghiệp	Không có	- Không có	Đào mương thoát nước, dẫn dòng tiêu thoát nước mưa.
3	Công trình xử lý bụi, khí thải			
3.1	Tại khu vực khai trường	- Vận chuyển đúng tải trọng; dùng bạt che kín thùng xe. - Tưới giảm bụi.	- Bố trí xe bồn tưới nước 5m ³ để tưới nước giảm bụi tại khai trường, đường nội mỏ. - Phun nước trước và sau khi nổ mìn.	Tiếp tục sử dụng và kết hợp trồng cây xung quanh dự án.
3.2	Sân công nghiệp	Không có	Công ty bố trí đường ống, máy bơm nước để tưới nước tại các hàm nghiền và đầu băng tải để giảm bụi trong quá trình nghiền sàng	- Tiếp tục sử dụng phương pháp tưới giảm bụi. - Tưới nước mặt bằng bãi chứa sản phẩm, đường nội bộ. - Hạn chế chiều cao của bãi chứa sản phẩm.
3.3	Tại khu vực vận chuyển	- Thùng xe chắc chắn và phủ bạt để chống rơi vãi đất đỏ ra đường; - Không chở quá tải trọng quy định; - Thực hiện tưới nước vào mùa khô, 2 lần/ngày vào buổi sáng 9-10h và buổi chiều từ 2-3h. Quãng đường tưới là 1 km tính từ khu vực dự án ra quốc lộ 1A. Lượng	- Sử dụng xe bồn thùng 5m ³ tưới nước vào những ngày trời nắng thừ khu vực mỏ tới đường Quốc lộ 1A để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển.	Tiếp tục sử dụng. - Tăng cường tần suất tưới nước giảm bụi đặc biệt vào ngày nắng nóng, gió lớn.

STT	Tên hạng mục công trình (khu vực)	Các công trình BVMT đã phê duyệt	Các công trình BVMT đã hoàn thành	Các công trình BVMT sử dụng cho dự án điều chỉnh nâng công suất
		nước tưới khoảng 14 m ³ /ngày. - Thường xuyên nâng cấp đường vận chuyển.		
4	Biển Báo			
	Khai trường	Mật độ 50m/ biển (tổng 38 biển)	Công ty có lắp đặt một số biển cảnh báo nguy hiểm trong khu vực mỏ.	Thực hiện lắp đặt các biển bảo xung quanh khu vực thực hiện dự án.
5	Công trình lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt			
	Rác thải sinh hoạt	- Bố trí 4 thùng rác: + 1 thùng dung tích 120 lít đựng chất thải rắn nguy hại, + 3 thùng 50 lít để chất thải rắn sinh hoạt trên công trường để thu gom chất thải của công nhân. Chủ đầu tư cam kết hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương để thu gom và xử lý bằng cách chôn lấp tại bãi rác của địa phương.	Công ty đã bố trí các thùng phuy để lưu trữ chất thải sinh hoạt công nhân.	Tiếp tục sử dụng.
6	Công trình lưu giữ, xử lý CTNH			
	CTNH	- Xây dựng kho chứa CTNH. - Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý theo quy định	- Công ty bố trí các thùng Phuy để lưu giữ các loại chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, bao bì cứng bằng nhựa thải; bóng đèn huỳnh quang thải được lưu trữ lại kho chứa diện tích 6m ² có mái che và cửa. Nền tráng bê tông có xây gờ để ngăn nước mưa không tràn vào.	Tiếp tục sử dụng.
5	Biện pháp, công trình xử lý chất thải rắn sản xuất và thông thường			
	Đối với đất đá thải	- San lấp mặt bằng công trình phụ trợ của dự án.	Công ty đã bố trí bãi thải tạm với diện tích khoảng 3.000 m ² để tập kết đá thải (chủ yếu là đá dăm).	Tận dụng khai thác làm vật liệu san lấp.

STT	Tên hạng mục công trình (khu vực)	Các công trình BVMT đã phê duyệt	Các công trình BVMT đã hoàn thành	Các công trình BVMT sử dụng cho dự án điều chỉnh nâng công suất
6	Phương án giảm thiểu tác động do nổ mìn			
	Các biện pháp giảm thiểu chấn động rung, đá văng, bụi, khi nổ mìn	Trước khi nổ mìn Chủ dự án và Công ty Công nghệ Hóa chất Mô Nam Trung Bộ cần phối hợp với các mỏ khai thác xung quanh, thông báo rộng rãi về khoảng cách thời gian nổ để đảm bảo an toàn cả khu vực. Tần suất nổ mìn là 3 ngày/lần, thời gian nổ mìn 11h30, lịch nổ mìn cụ thể khi đi vào khai thác chủ dự án sẽ có cụ thể ngày và dán lên bảng thông báo tại công trường và gửi cho các mỏ lân cận lịch nổ mìn bằng văn bản.	Trước khi nổ mìn Chủ dự án và Công ty Công nghệ Hóa chất Mô Nam Trung Bộ cần phối hợp với các mỏ khai thác xung quanh, thông báo rộng rãi về khoảng cách thời gian nổ để đảm bảo an toàn cả khu vực. Tần suất nổ mìn là 3 ngày/lần, thời gian nổ mìn 11h30, lịch nổ mìn cụ thể khi đi vào khai thác chủ dự án sẽ có cụ thể ngày và dán lên bảng thông báo tại công trường và gửi cho các mỏ lân cận lịch nổ mìn bằng văn bản.	Tiếp tục sử dụng.
7	Trồng cây			
7.1	Trong khu chế biến	Trồng cây xanh xung quanh diện tích moong khai thác, trên bờ moong, bãi thải, sân công nghiệp, khu văn phòng, cây dọc theo hai bên đường vận chuyển	Trồng cây bạch đàn tại khu chế biến. Xây dựng tường rào khu vực phía Tây của dự án.	Giữ nguyên, trồng hết chu vi khu chế biến.
7.2	Khu khai thác			Tiếp tục trồng cây hết ranh mỏ.
8	Giảm thiểu tiếng ồn			
	Giảm thiểu tiếng ồn	- Thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị. - Mỏ hoạt động theo thời gian quy định: từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều.	Thời gian hoạt động của mỏ từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều.	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định.

❖ Đánh giá:

Các công trình bảo vệ môi trường đã được Công ty đầu tư xây dựng phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ trong giai đoạn trước đây. Theo kết quả phân tích các thành phần môi trường tại khu vực dự án (tổng hợp tại Mục 2.2), chất lượng môi trường hiện tại đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép, cho thấy các biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện hiệu quả.

Khi dự án điều chỉnh được triển khai và đi vào hoạt động, phần lớn các công trình bảo vệ môi trường hiện hữu sẽ tiếp tục được sử dụng. Để duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong suốt quá trình khai thác, Công ty cam kết áp dụng đồng bộ các biện pháp kiểm soát môi trường thường xuyên góp phần đảm bảo duy trì ổn định công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến khu vực xung quanh trong suốt quá trình hoạt động của mỏ.

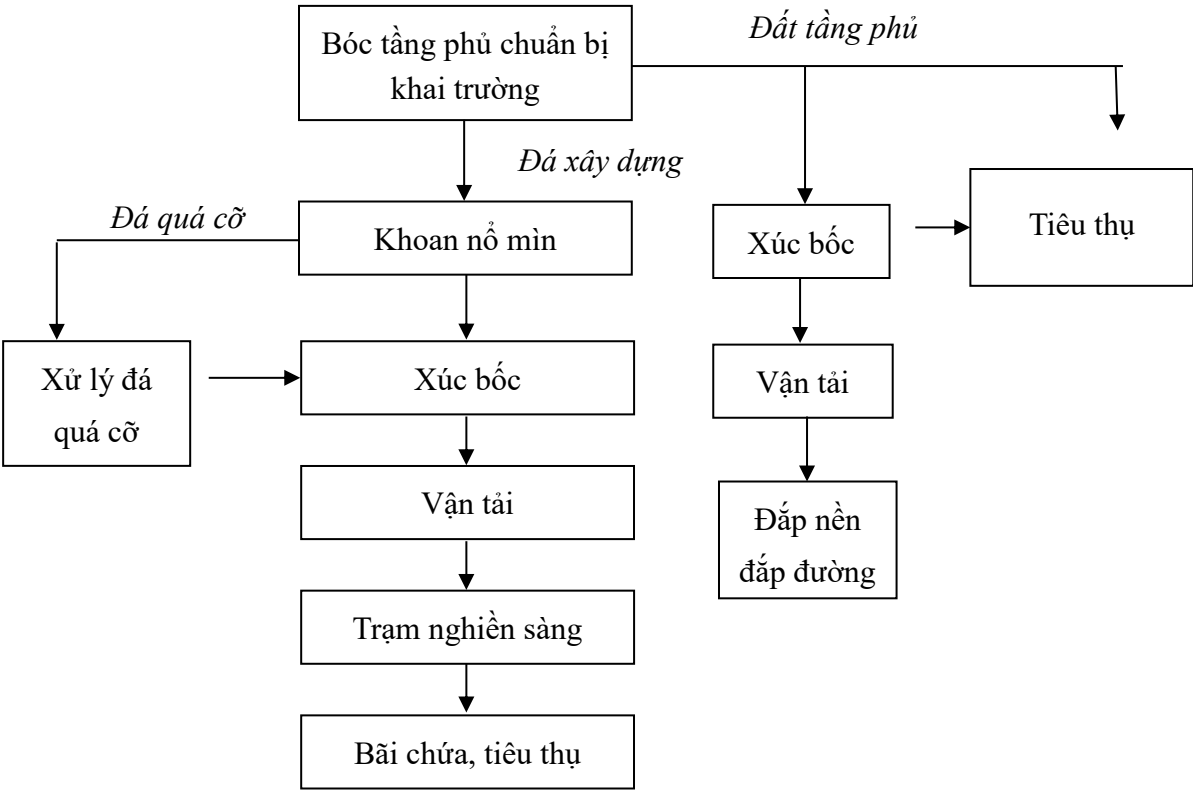
1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

1.3.1. Công nghệ khai thác

1.3.1.1. Công nghệ khai thác đá

Quy trình công nghệ khai thác, chế biến của dự án: Chuẩn bị khai trường (*phát quang thảm thực vật, xúc bóc tầng đất phủ đến công trình cần đắp nền*) ⇒ khoan lỗ (*sử dụng máy khoan lớn $\Phi 105$ để khoan lỗ mìn*) ⇒ nổ mìn (*nạp thuốc nổ*), những vị trí đá nứt nẻ nhiều, độ cứng thấp sử dụng đầu đập thủy lực phá đá trực tiếp và để phá đá quá cỡ nhằm đảm bảo kích thước phù hợp của hàm đập ⇒ Xúc đá nguyên khai lên xe (*bằng máy đào*) ⇒ Vận chuyển đá nguyên khai về khu vực chế biến (*bằng ô tô tự đổ*) ⇒ nghiền sàng đá liên hợp (*tổ hợp nghiền sàng*) ⇒ Sản phẩm (*đá 0x4, đá 4x6, 1x2, đá mi*) ⇒ Bãi lưu chứa ⇒ tiêu thụ sản phẩm.

Sơ đồ tổng quát công nghệ khai thác tại mỏ:



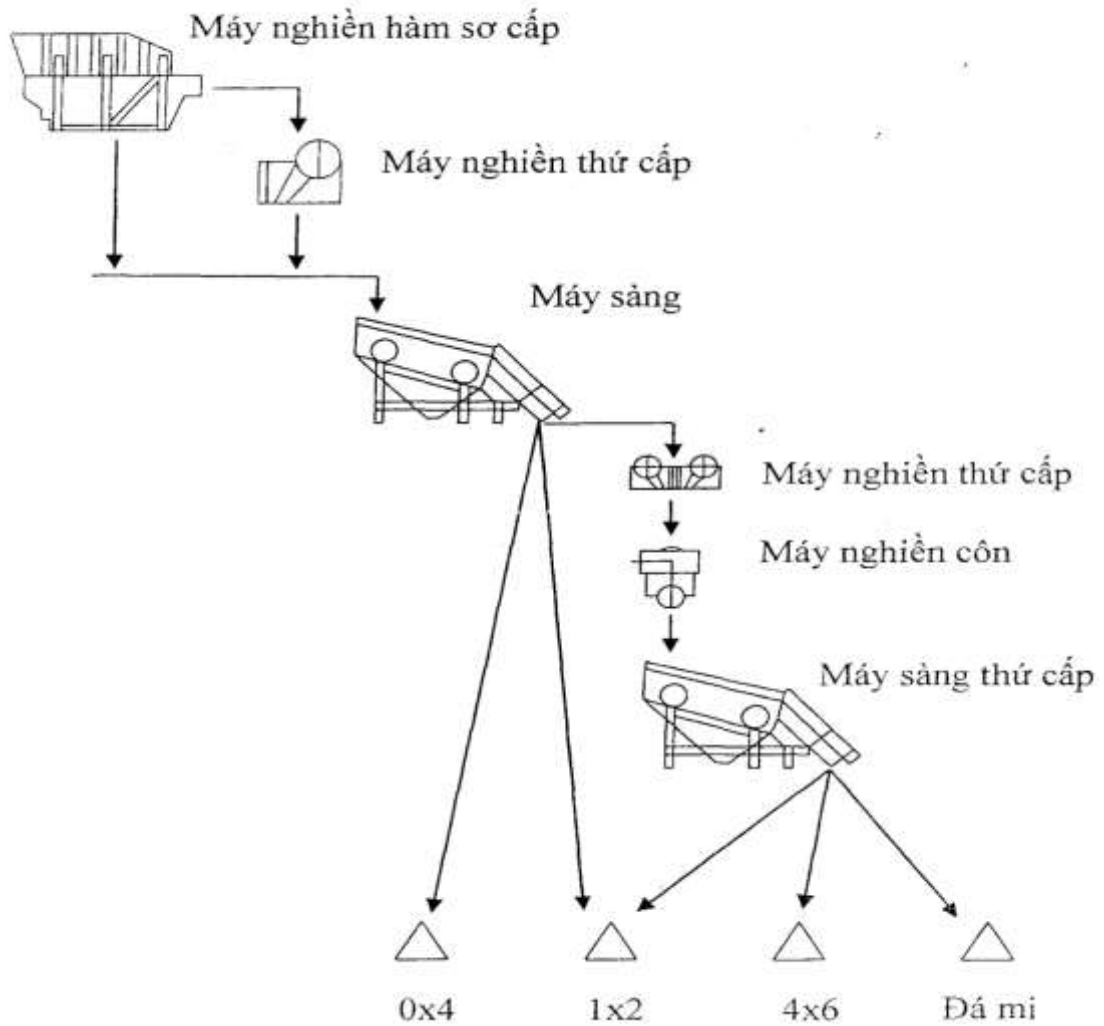
Bảng 1-3: Sơ đồ tổng quát dây chuyền công nghệ khai thác

1.3.1.2. Quy trình công nghệ chế biến khoáng sản

Áp dụng quy trình công nghệ nghiền hai giai đoạn, đá nguyên khai từ bunke cấp liệu được chuyển trực tiếp vào máy nghiền thô (nghiền má) nhờ băng chuyền xích. Đá

nghiên ra được qua băng tải để chuyển vào máy sàng. Sau khi sàng đá được đưa qua máy nghiền côn rồi qua hệ thống băng tải ra bãi chứa đá các loại.

Sơ đồ nguyên lý của tổ hợp đập - nghiền - sàng



Qua quá trình nghiền sàng, sản phẩm cung cấp từ dự án gồm:

Bảng 1-4: Bảng phân loại sản phẩm tiêu thụ

STT	Chủng loại đá	Số lượng (m ³) nguyên khai/năm	Tỷ lệ (%)
A	Đá xây dựng	663.750	100
1	Đá 0x4	298.688	20,0
2	Đá 4x6	165.938	25,0
3	Đá 1x2	132.750	45,0
4	Đá mi	66.375	10,0

1.3.2. Hệ thống khai thác

Với đặc trưng loại hình mỏ khai thác đá xây dựng, nhằm khai thác khoáng sản đạt hiệu quả tối ưu. Công ty tiến hành phân tầng khai thác, cote kết thúc khai thác ở mức +35 m.

Các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai tác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên TCVN 5326-2008, Quy phạm an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên TCVN 5178:2004, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên QCVN 04:2009/BCT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn lao động trong khai thác và chế biến đá QCVN 05:2012/BLĐTBXH.

Cụ thể các thông số của hệ thống khai thác như sau:

Bảng 1-5: Bảng tổng hợp thông số hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H_t	m	
	- Trong đất phủ			2,5 – 15
	- Trong đá gốc			10
2	Chiều cao tầng kết thúc	H_{kt}	m	
	- Trong đất phủ			2,5 – 15
	- Trong đá gốc			20
3	Góc nghiêng sườn tầng công tác	α_t	độ	
	- Trong đất phủ			45°
	- Trong đá gốc			75°
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc khai thác	α_{kt}	độ	
	- Trong đất phủ			30°
	- Trong đá gốc			60°
5	Chiều rộng đai bảo vệ	B_v	m	7
6	Chiều rộng đai khẩu	A	m	8,6 – 11
7	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	B_{min}	m	15,6 – 18
8	Chiều dài tuyến công tác	L	m	63
9	Số tầng công tác		tầng	12
10	Số tầng kết thúc khai thác		tầng	6

1.3.3. Trình tự khai thác

Dựa vào đặc điểm địa hình, cấu tạo địa chất mỏ, áp dụng hệ thống khai thác theo lớp xiên, khai thác theo các khoảnh, khẩu hết chiều dày lớp đá tầng lộ trên mặt.

Trình tự khai thác từ dưới thấp lên trên cao theo sườn núi, tại các khoảnh khai thác từ trên xuống dưới, hướng khai thác từ Tây Bắc sang Đông Nam.

1.3.4. Công tác khoan nổ mìn

Đá khai thác được làm tơi sơ bộ trước khi xúc bốc bằng phương pháp khoan nổ mìn. Các chỉ tiêu mạng nổ được tính toán riêng cho từng đợt nổ.

Công tác khoan nổ mìn ở mỏ bao gồm:

- Khoan nổ mìn lỗ khoan lớn 105 mm để khai thác đá xây dựng;
- Khoan nổ mìn lỗ khoan con sử dụng máy khoan con lắp cần 36-42 mm để làm đường vận chuyển, tạo gương khai thác, cải tạo sườn tầng, phá đá quá cỡ và phá mô chân tầng.

Mỏ đá Hố Hành 1 áp dụng phương pháp nổ vi sai phi điện, phân đoạn không khí, để kích nổ cho từng lượng thuốc nổ ở trong lỗ khoan là tốt nhất thì mỗi kíp vi sai phi điện xuống lỗ có gắn thêm một quả mìn nổ. Mỗi lỗ khoan dùng 02 kíp phi điện xuống lỗ nên cần 02 mìn nổ.

Bảng 1-6: Tổng hợp thông số khoan nổ mìn tại dự án

STT	Các thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đv tính	Giá trị	
				LK 105mm	LK 36-42 mm
1	Đường kính LK	d	m	0,105	0,036
2	Chỉ tiêu thuốc nổ	q	kg/m ³	0,45	0,45
3	Chiều cao tầng	H	m	10	3
4	Đường kháng chân tầng	W	m	3,2	1,3
5	Khoảng cách giữa các lỗ khoan	a	m	3,5	1,3
6	Khoảng cách giữa hai hàng lỗ khoan	b	m	3,0	1,3
7	Chiều sâu khoan thêm	L _{kt}	m	1,50	0,50
8	Chiều dài lỗ khoan	L	m	11,5	3,5
9	Lượng thuốc nổ cho mỗi lỗ khoan	Q	kg	52,64	2,3
10	Lượng thuốc nổ cho 1m dài lỗ khoan	G	kg/m	7	1
11	Chiều dài lượng thuốc ở lỗ khoan	L _t	m	7,2	2,3
12	Chiều dài búa	L _b	m	2,4	1,2
13	Suất phá đá (nguyên khối)	p _{nk}	m ³ /m	9,74	1,45
14	Suất phá đá (nở rời)	p _{nr}	m ³ /m	14,37	2,14
15	Quy mô bãi nổ	Q _d	kg	≤1.000	-

STT	Các thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đv tính	Giá trị	
				LK 105mm	LK 36-42 mm
16	Số đợt nổ mìn		đợt/năm	223	-
17	Khoảng cách an toàn do chấn động	R_{cd}	m	68,77	
18	Khoảng cách an toàn về tác động sóng không khí	R_{kk}	m	98,2	
19	Khoảng cách an toàn do đá bay:				
	Với người:	R_{ng}	m	450	
	Với máy móc công trình	R_{ct}	m	225	

Ghi chú: Các thông số khoan nổ mìn tính toán nêu trên là điển hình, trong quá trình khai thác mỏ, đơn vị khai thác cần căn cứ vào điều kiện thực tế để điều chỉnh các thông số khoan nổ mìn cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả cao nhất.

Sau khi thực hiện nổ mìn khoan chính (đường kính lớn 105mm), vẫn tồn tại các khối đá có đường kính >70 cm không thể đưa vào máy nghiền hoặc xử lý sơ bộ bằng mìn. Do đó, cần dùng búa đập thủy lực để phá nhỏ đá này cho đến khi đạt kích cỡ phù hợp.

Lịch nổ mìn sẽ được bố trí cho phù hợp với nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, điều kiện tự nhiên cũng như các điều kiện khác theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý vũ khí, vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ. Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; QCVN01:2019/BCT; Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh.

Kế hoạch nổ mìn cụ thể theo sự chấp thuận của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa; Trong ngày có thể nổ nhiều bãi mìn trong thời gian quy định đã đăng ký với cơ quan chức năng. Mỗi bãi mìn có hệ chiều nổ mìn riêng biệt được Giám đốc mỏ phê duyệt.

❖ Nhận xét về nhu cầu vật liệu nổ khi điều chỉnh nâng công suất khai thác:

So với phương án đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM trước đây, khi nâng công suất khai thác, nhu cầu sử dụng các loại vật liệu nổ công nghiệp tại dự án tăng lên đáng kể, phản ánh mức độ mở rộng quy mô và tần suất khai thác của mỏ đá Hố Hành 1. Việc tăng khối lượng và đa dạng chủng loại vật liệu nổ phản ánh tính chất kỹ thuật phức tạp hơn của hoạt động khai thác sau điều chỉnh công suất. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn, dự án cần: Thiết kế bãi nổ chặt chẽ, có hệ chiều riêng từng đợt nổ; Bố trí giám sát nổ mìn chuyên trách, thực hiện kiểm tra hiện trường sau mỗi đợt nổ; Thực hiện quan trắc định kỳ khu vực ảnh hưởng trong bán kính 300 m.

1.3.5. Thiết bị đồng bộ với công nghệ hệ thống khai thác

Số lượng máy móc thiết bị được tổng hợp cụ thể như sau:

Bảng 1-7: Tổng hợp danh mục máy móc thiết bị

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL
1	Máy xúc thủy lực gàu ngược 1,2m ³	Chiếc	2
2	Máy khoan lớn	Chiếc	1
3	Máy ủi 75CV	cái	1
4	Xe bồn tưới nước 9m ³	Chiếc	1
5	Búa khoan tay	Chiếc	1
6	Máy nén khí	Cái	1
7	Ô tô Hyundai 15 tấn	Chiếc	3
8	Máy đào bánh lốp	Chiếc	1
9	Hệ thống sàng tuyển	Hệ thống	4
10	Bộ dụng cụ sửa chữa, thiết bị khác	Bộ	1
11	Thiết bị văn phòng, sinh hoạt	Bộ	1

Số lượng máy móc thiết bị được sử dụng phù hợp, đáp ứng như cầu sản xuất theo công suất được lựa chọn.

1.4. Tiến độ, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.4.1. Tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện dự án sau khi nâng công suất là 10 năm kể từ ngày được cấp Quyết định về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Dự kiến hoàn tất pháp lý, đưa dự án vào hoạt động với công suất 450.000 m³ nguyên khối/năm từ năm 2026.

1.4.2. Chế độ quản lý và thực hiện dự án

1.4.2.1. Chế độ làm việc

- Mỏ làm việc theo chế độ: 290 ngày/năm.
- Số ca làm việc trong ngày: 01 ca
- Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ.

Khối lượng vật liệu san lấp khai thác tại mỏ phụ thuộc vào nhu cầu cung ứng của Công ty và thời tiết tại khu vực. Chế độ làm việc tại mỏ có thay đổi để đảm bảo cung cấp đủ và kịp thời đảm bảo không trái với Luật Lao động. Tùy theo thời tiết và tiến độ yêu cầu của Công ty, thời gian làm việc tại mỏ cơ động theo ca không liên tục. Vào những ngày xuất hiện mưa lớn, Dự án sẽ tạm ngưng hoạt động khai thác để đảm bảo công tác tháo khô mỏ cũng như an toàn bờ moong tránh sạt lở trong quá trình khai thác do mưa lớn.

1.4.2.2. Tổ chức quản lý dự án

Tổng số lao động lao việc tại mỏ dự kiến 48 người.

Mỏ đá Hồ Hành 1 do Công ty trực tiếp quản lý. Đa phần lao động làm việc tại mỏ là lao động trực tiếp, phương án tuyển chọn thêm công nhân thuộc bộ phận lao động trực

tiếp: ưu tiên tuyển dụng người tại địa phương và các địa phương phụ cận, lượng lao động tự túc đi về và sinh hoạt ngoài mỏ. Nhóm ở lại thường xuyên trong khu vực mỏ là 03-05 người. Bộ phận bảo vệ trực 3 ca, 24h/24h.

Các công tác bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án và thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường sau kết thúc khai thác sẽ do Công ty (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện.

CHƯƠNG 2:

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Mỏ đá Hồ Hành 1 có diện tích 25 ha, thuộc phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa. Mỏ cách quốc lộ 1A khoảng 1km về phía Đông.

Tại khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án, dân cư ở đây chủ yếu sống dựa vào nông nghiệp là chính, một phần nhỏ là tiểu thương, đánh bắt hải sản biển, chăn nuôi. Về nông nghiệp: xung quanh khu vực dự án có trồng bắp, đậu, điều, một vài loại cây ăn trái như xoài, chuối, mít, ổi...

Dân cư nằm cách khu vực dự án khoảng 700m về phía Đông Bắc, khu vực này dân cư vẫn còn thưa đạ số là các nhà cấp 4 nhỏ.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Đặc điểm địa chất

a. Đặc điểm hình thái, kích thước thân khoáng

Tại dự án phân bố đá phun trào hệ tầng Nha Trang (K_{nt}), diện phân bố của đá phun trào thành khối lớn kéo dài phương Tây Bắc – Đông Nam. Chiều dài khối khoảng 6km, chiều rộng lớn nhất khoảng 2km. Thành phần chủ yếu là đá andesit, dacit và tuf màu xám xanh, xám đen; kiến trúc porphyr, cấu tạo khối cứng chắc; lớp vỏ phong hóa dày 2 – 7m có thành phần sét pha lẫn dăm sạn. Phía Đông và phía Tây khối bị kẹp bởi xâm nhập phức hệ Cà Ná và Định Quán.

Đá có chất lượng tốt, đá đáp ứng được yêu cầu làm VLXD thông thường

b. Quy mô, đặc điểm phân bố thân khoáng

Thân đá trong diện tích thăm dò chủ yếu là các đá phun trào trung tính với các loại dacit và tuf của chúng. Đặc điểm cấu tạo thân khoáng sản gồm 2 phần sau:

b.1. Lớp phủ

Lớp phủ vỏ phong hóa phân bố phổ biến trên bề mặt mỏ, trừ các diện tích có đá phun trào lộ ra. Theo thiết đồ lỗ khoan, vỏ phong hóa dày trung bình 5,5m, từ trên xuống được chia làm 2 đới như sau:

- Đới trên: là lớp đất phủ với thành phần chủ yếu là cát pha sét, màu xám vàng; đôi nơi có lẫn nhiều cuội sỏi, rễ cây. Bề dày khoảng 1,5 – 10m.

- Đới dưới: đới phong hóa của đá gốc. Thành phần chủ yếu là đất sét lẫn sạn sỏi màu vàng, đá vụn vàng xám, đá cuội, sỏi sang màu; độ góc cạnh cao. Đây là phần đệm giữa phong hóa triệt để phía trên và lớp đá tươi cứng chắc phía dưới. Bề dày biến đổi mạnh, có chỗ không gặp đới này mà gặp đới phong hóa triệt để phủ trực tiếp lên đá phun trào cứng chắc không bị biến đổi.

b.2. Thân đá phun trào

Thân đá phun trào phân bố trên toàn bộ diện tích mỏ. Bề dày của thân đá phun trào theo tài liệu các công trình thăm dò trung bình 87,2m. Diện tích thân đá trên bình đồ đưa vào tính trữ lượng là 25 ha. Thân đá phun trào phân bố ổn định theo đường phương Bắc – Nam và biến đổi theo chiều giảm dần từ đỉnh sườn phía Tây Nam xuống chân sườn phía Đông Nam. Tại lỗ khoan LK8 gặp đá granodiorit porphyr của phức hệ Đèo Cả ở độ sâu 14,5 m trở xuống.

c. Chất lượng khoáng sản

Trong mỏ có một thân khoáng với chủ yếu một loại đá có thành phần thạch học, thành phần hóa học, tính chất cơ lý hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Đặc điểm cơ lý đất theo kết quả phân tích mẫu cơ lý đất toàn diện như sau:

+ Khối lượng thể tích khô trung bình: 1,55g/cm³;

+ Lực dính kết: 0,13 kg/cm²;

+ Góc ma sát trong: 190.

Đất sử dụng làm vật liệu san lấp khá tốt.

2.1.1.2. Đặc điểm địa hình

Dự án nằm phía Đông núi Tà Lương thuộc phần sườn của núi Hố Hành 1, tính từ đỉnh cao nhất trong mỏ là 231m trải dài về phía Đông Bắc thì địa hình thấp dần đến điểm thấp nhất trong vùng khảo sát ở độ cao 30 m. Đây là dạng núi cao trung bình, sườn thoải, đỉnh tù, bề mặt địa hình phân hóa mạnh, bề dày lớp phủ mỏng trung bình khoảng 4 m, nhiều chỗ trơ đá gốc, thường gặp hiện tượng trượt lở sườn núi do trọng lực, thảm thực vật kém phát triển, chủ yếu là dây leo và cây bụi.

2.1.1.3. Đặc điểm thủy, hải văn

a. Đặc điểm nước mặt

Trong khu vực mỏ chỉ có suối Trà Dục chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và các suối cạn bắt nguồn từ đỉnh núi Hố Hành 1 chảy theo hướng Đông Bắc về suối Trà Dục và đổ ra biển, các suối cạn mùa khô rất ít nước nên rất thuận lợi cho việc khai thác.

b. Đặc điểm nước dưới đất

Căn cứ vào dạng tồn tại của nước trong đất đá có trong mỏ và độ giàu nước của đất đá chứa nước, trong phạm vi thăm dò có thể chia ra các tầng chứa nước sau:

b.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ Tứ (qh)

Trong phần diện tích thăm dò, tổng bề dày lớp phủ và đá phong hóa, bán phong hóa là 2m đến 10m, trên bề mặt địa hình thực vật kém phát triển nên nước chứa trong tầng này không có nhiều ý nghĩa đối với công tác thăm dò và khai thác.

b.2. Tầng chứa nước khe nứt trong các thành tạo phun trào hệ tầng Nha Trang (Knt)

Đơn vị chứa nước này có qui mô phân bố rộng rãi, phần trên có bề dày trung bình 1-6.4 m là lớp đá phong hóa. Thành phần đá chứa nước gồm tuf dacit, tuf ryodacit, tuf ryolit. Tuy nhiên, do khu vực thăm dò nằm hoàn toàn trên vùng cao hơn so với mực nước ngầm cho nên trên tất cả các lỗ khoan đều không xuất hiện nước ngầm. Do đó không thể tiến hành quan trắc mực nước và bơm nước như dự kiến.

Với kết quả nghiên cứu địa chất thủy văn mở có thể rút ra một số kết luận đối với tầng chứa nước này: đây là tầng nghèo nước lại nằm cao hơn mực nước ngầm trong khu vực nên không có ảnh hưởng đến công tác khai thác mỏ sau này

2.2. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Các đối tượng có nguy cơ chịu tác động từ hoạt động của dự án bao gồm:

- Tác động tới cán bộ, công nhân viên của mỏ: ảnh hưởng bởi bụi, tiếng ồn, rung chấn và nguy cơ tai nạn lao động trong quá trình khai thác, chế biến đá. Nếu điều kiện ăn ở, vệ sinh và an toàn lao động không được đảm bảo, có thể tác động xấu đến sức khỏe và tinh thần. Tuy nhiên, dự án cũng tạo việc làm, tăng thu nhập và cơ hội đào tạo nghề cho người lao động nếu được tổ chức tốt.

- Tác động tới dân cư: Hoạt động vận chuyển sản phẩm đá xây dựng đi tiêu thụ từ khu vực dự án tới tiêu thụ sẽ tác động tới các hộ dân dọc theo tuyến đường, chủ yếu là các hộ sống dọc bên tuyến đường liên xã tại khu vực.

- Tác động hệ thống giao thông: hoạt động vận chuyển sẽ gây hư hỏng, xuống cấp tuyến đường đất nồi từ dự án ra đường liên xã tại khu vực.

2.3. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Dự án đang hoạt động khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh. Tổng diện tích đất sử dụng là 25 ha (250.000 m²) theo Quyết định cho thuê đất số Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 và Hợp đồng thuê đất số 98/2012/HĐTĐ ngày 14/12/2012.

Trong thời gian dự án đi vào hoạt động đến nay, Công ty luôn chủ động thực hiện các công tác bảo vệ môi trường, kiểm soát, hạn chế tối đa các tác động phát sinh.

Việc nâng công suất dự án nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Bên cạnh đó, theo khảo sát hiện trạng mỏ nằm cách xa khu dân cư nên khi khai thác không ảnh hưởng đến đời sống dân cư địa phương.

CHƯƠNG 3:

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Mỏ đá Hồ Hành 1 hiện đang hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012, với công suất 200.000 m³ nguyên khối/năm. Trong thời gian qua, Công ty đã đầu tư xây dựng đầy đủ hệ thống hạ tầng, thiết bị và công trình phục vụ khai thác – chế biến theo đúng nội dung Báo cáo ĐTM đã phê duyệt và bổ sung các công trình bảo vệ môi trường để nâng cáo hiệu quả trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Hoạt động sản xuất phát sinh các loại chất thải như bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn và nước mưa chảy tràn trong khu vực mỏ. Tuy nhiên, theo kết quả giám sát định kỳ hàng năm các thông số về ô nhiễm đều nằm trong giới hạn của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành (*QCVN 05:2023/BTNMT – không khí, QCVN 26:2010/BTNMT – tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – độ rung, QCVN 40:2011/BTNMT – nước thải công nghiệp*). Điều này cho thấy hoạt động khai thác, chế biến của mỏ trong thời gian qua không gây tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường khu vực. Ngoài ra, dự án đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế – xã hội địa phương: tạo việc làm cho người dân, tăng thu nhập cho lao động phổ thông, đóng góp ngân sách thông qua thuế và hỗ trợ nâng cấp hạ tầng khu vực.

Do dự án đã đi vào hoạt động ổn định, các phương tiện thiết bị có sẵn nên trong phạm vi báo cáo, Công ty chủ yếu đánh giá, làm rõ các tác động phát sinh trong quá trình hoạt động với công suất sau điều chỉnh.

3.1. Tóm tắt các vấn đề môi trường chính của dự án

3.1.1. Các tác động liên quan đến chất thải

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: bao bì ni lon đựng thức ăn;

+ Chất thải rắn sản xuất: cành, lá, rễ,...

+ Chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ lán trại;

+ Chất thải nguy hại.

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt;

+ Nước mưa chảy tràn.

- Bụi, khí thải:

+ Từ quá trình san gạt, xúc bốc khai thác tại Dự án;

+ Quá trình nổ mìn: Khoan lỗ nổ mìn, mỏ mìn, phá đá quá cỡ;

+ Hoạt động nghiền sàng đá;

+ Hoạt động của máy móc thiết bị;

- + Từ phương tiện vận chuyển
- Chất thải nguy hại: giẻ lau dầu nhớt,...

3.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

- Tác động do tiếng ồn;
- Tác động do độ rung;
- Tác động do đá văng, chấn động khi nổ, sóng không khí;
- Tác động đến giao thông địa phương;
- Tác động đến kinh tế - xã hội địa phương;

3.1.3. Tác động các rủi ro, sự cố môi trường:

- Sự cố cháy nổ;
- Tai nạn lao động.
- Trượt lở bờ moong;
- Tai nạn giao thông.

3.2. Danh mục công trình biện pháp bảo vệ môi trường

3.2.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (*tổng dung tích chứa 15 m³*). Sau đó, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (*6m³/ngày.đêm*) để xử lý đạt cột B (*k=1,2*) của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường (*nguồn tiếp nhận: suối cạn*).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại khu vực khai trường: Nước mưa theo hệ thống rãnh được bố trí dọc theo chân tầng khai thác, hướng dòng chảy về các hố lắng nằm dưới đáy moong ở vị trí thấp nhất trong ranh giới. Nước được dẫn về hố lắng có diện tích khoảng 7.000 m². Tại đây, nước được lắng lọc sơ bộ trước khi được tái sử dụng để sản xuất.

+ Tại khu chế biến: Mặt bằng khu chế biến được san gạt tạo độ dốc nhẹ để nước mưa chảy về các hố gom đặt tại vị trí thấp nhất. Nước được dẫn qua hệ thống rãnh đất bao quanh khu vực, có tiết diện hình thang (sâu 1 m, rộng mặt 1 m, rộng đáy 0,5 m) dẫn về 02 hố lắng (kích thước mỗi hố lắng: sâu 2m ; rộng 2m, dài 2m). Nước sau khi được lắng cạn sẽ thoát tự nhiên qua suối cạn.

3.2.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Áp dụng phương pháp nổ mìn điện vi sai và thuốc nổ theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt để giảm thiểu phát tán bụi và khí thải.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn.
- Lắp đặt hệ thống phun nước hệ thống đập nghiền sàng đá xây dựng.
- Phun nước định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ).

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực khai thác và dọc tuyến đường vận tải mỏ

❖ Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 04:2009/BCT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh).

3.2.3. Công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có nắp đậy tại khu vực phụ trợ. Chất thải được phân loại và xử lý theo đúng quy định. Thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa rác và hợp đồng với đơn vị thu gom đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

❖ Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.2.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại

Thu gom chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 6 m². Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

3.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Áp dụng nổ mìn theo hộ chiếu thiết kế. Công ty phải tuân thủ phương pháp nổ mìn và mỗi lần nổ mìn phải có giám đốc dự án hoặc người phụ trách giám sát trực tiếp.

- Thiết lập hành lang an toàn trong nổ mìn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc để giảm thiểu tiếng ồn của hệ thống nghiền sàng.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi

trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04: 2009/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1 tại phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa của Công ty TNHH Phước Thành thuộc loại hình khai thác khoáng sản với mỏ khai thác lộ thiên. Quá trình khai thác mỏ được khai thác theo địa hình và tiến hành trong 10 năm sau khi điều chỉnh nâng công suất.

Nội dung Dự án Cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/02/2012: Trồng cây xung quanh diện tích khu vực khai thác, bãi thải, khu công nghiệp, khu văn phòng, riêng phần diện tích sâu so với mặt bằng tự nhiên tại moong khai thác (+35m) sẽ tiến hành san gạt làm cống rãnh thoát nước, biển báo hàng rào để tạo hồ cảnh quan.

Căn cứ điều kiện thực tế, ảnh hưởng của quá trình khai thác đối với môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực;...Phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại dự án:

4.1. Khu vực khai thác

- Trồng cây xanh xung quanh Dự án;
- Lắp đặt biển báo, hàng rào kẽm gai xung quanh dự án;
- Gia cố bờ moong song song với quá trình khai thác. Đưa góc kết thúc khai thác về đúng thiết kế đã được duyệt.
- Lắp đặt hệ thống cống lưu thoát nước, cải tạo hồ lưu chứa nước.
- Trồng cây đáy moong khai thác.

4.2. Khu vực chế biến

- Thực hiện trồng cây xung quanh khu chế biến;
- Sau khi kết thúc khai thác:
 - + Tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ;
 - + San gạt mặt bằng sân công nghiệp;
 - + Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường,
- Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển.

Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG 5:

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình giám sát môi trường

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Vị trí giám sát: 05 điểm, gồm:
 - + 01 điểm cách khai trường đang khai thác 100m, cuối hướng gió;
 - + 01 điểm cách khai trường đang khai thác 100m, trên hướng gió;
 - + 01 điểm tại khu vực đường vận chuyển;
 - + 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của khu chế biến trên hướng gió 100m.
 - + 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của khu chế biến dưới hướng gió 100m.

Ghi chú: vị trí giám sát có thể thay đổi theo các mùa gió chủ đạo trong năm

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, CO, độ rung và tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn môi trường Việt Nam, gồm:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Tần suất giám sát: 01 lần vào mùa mưa (hoặc mùa có nước chảy).
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thoát nước ra suối Cạn.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, bảng 2, cột B).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải nguy hại.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025

5.1.4. Các chương trình giám sát khác (giám sát sụt lún, trượt lở)

- Tần suất giám sát: thực hiện thường xuyên, đặc biệt là sau những trận mưa lớn
- Vị trí giám sát: Tại khu vực thực hiện khai thác;
- Nội dung giám sát:

+ Thực hiện đo vẽ địa hình 6 tháng/lần lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực để theo dõi tình hình khai thác.

+ Xác định các nguy cơ, sự cố do sụt lún, sạt lở đất, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác xảy ra; Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn điện.

- Tuân thủ theo các quy định về tiêu thoát nước; phòng cháy chữa cháy; an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định pháp luật liên quan.

5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường: Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

- Có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Công ty phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Công ty phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố và có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra theo quy định.

❖ Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ

Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

6.1. Kết luận

Báo cáo ĐTM Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” được thành lập tạo cơ sở pháp lý cho quá trình thực hiện dự án nâng công suất theo Luật Bảo vệ môi trường và Luật Khoáng sản. Trong quá trình triển khai dự án, nâng công suất khai thác sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh mỏ do sự thay đổi. Các tác động gây ô nhiễm chủ yếu khi nâng công suất dự án phát sinh từ các hoạt động khoan nổ mìn, khai thác, vận chuyển, chế biến đá các loại. Các hoạt động trên sẽ gây ô nhiễm đến môi trường xung quanh (tăng độ ồn, chất thải, bụi, chấn động, ...). Dự án nâng công suất khai thác làm gia tăng về phạm vi tác động so với dự án hiện tại.

- Báo cáo đã nhận dạng các tác động có hại đối với môi trường tự nhiên và xã hội từ hoạt động của Dự án như sau:

+ Môi trường không khí: Đối với hoạt động khai thác mỏ, không khí là môi trường bị tác động nhiều nhất do tác nhân bụi, đặc biệt là từ hoạt động chế biến và vận chuyển. Đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân làm việc tại mỏ. Do đó, trong quá trình khai thác, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng này. Với vị trí thuận lợi nằm cách xa khu dân cư, nên hoạt động tại mỏ ít không ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

+ Môi trường đất: Đối với hoạt động khai thác mỏ, việc chiếm dụng diện tích đất lớn là điều không thể tránh khỏi. Báo cáo đã nhận dạng được phạm vi và quy mô tác động đến địa hình khu vực. Tuy nhiên, đây là dự án khai thác mỏ lộ thiên nên tác động này là không thể tránh khỏi, cần có giải pháp cải tạo, PHMT sau khi kết thúc khai thác.

+ Đời sống người dân khu vực: Dự án nằm cách xa khu dân cư tập trung. Đây là dự án nâng công suất được triển khai trên nền dự án hiện hữu nên người dân nơi đây đã tiếp xúc với những tác động trong quá trình khai thác, vận chuyển trước đây.

+ Tác động trên đường vận chuyển: Đây là ảnh hưởng không thể tránh khỏi và khó kiểm soát, do xe tải vận chuyển sản phẩm phải đi qua các tuyến đường nội bộ ra đường chuyên dụng, rồi tiếp tục ra Quốc lộ 1A. Vì vậy, trong quá trình khai thác, Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị khai thác khác cùng sử dụng tuyến đường này để thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông - có thể bằng cách đóng góp kinh phí cho chính quyền. Đồng thời, Công ty cũng sẽ giám sát việc xe chở hàng tuân thủ đúng tải trọng và che phủ bạt cẩn thận khi ra khỏi mỏ.

- Ngoài việc đánh giá cụ thể các nguồn tác động, báo cáo ĐTM này cũng đã đề xuất được các biện pháp thu gom, xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm nhằm hạn chế đến mức tối đa các tác động xấu đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội khu vực do hoạt động của dự án gây ra. Các biện pháp đã sử dụng đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại khu mỏ và khả năng tài chính, kỹ thuật của công ty.

6.2. Cam kết

Công ty cam kết chỉ triển khai Dự án khi đã thực hiện xong việc khoanh định ranh giới dự án và được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết tuân thủ khai thác theo đúng nội dung của Giấy phép khai thác được cấp; tuân thủ nghiêm các nội dung theo thiết cơ sở, thiết kế kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án.

Chủ dự án cam kết đầu tư xây dựng Dự án với dây chuyền công nghệ và thiết bị đồng bộ đã nêu trong báo cáo ĐTM này. Để phòng chống và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội trong vùng và phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong các giai đoạn của dự án, ngoài các nội dung cam kết chính nêu trên, Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp đã nêu rõ trong Chương 3 của báo cáo ĐTM. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn hoạt động của dự án, cụ thể như sau:

- Cam kết tuân thủ theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo để giảm thiểu tiêu cực đến đời sống dân cư quanh mỏ.

- Giảm thiểu chấn động rung, đá văng do nổ mìn: sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện với lỗ khoan nhỏ để giảm thiểu sự cố trượt lở vách đá bờ moong và giảm thiểu chấn động đến công trình nhà cửa của dân cư trong khu vực. Tiến hành nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được người có thẩm quyền phê duyệt. Bắn mìn theo giờ quy định. Thông báo rộng rãi giờ nổ mìn cho nhân dân và chính quyền địa phương. Dùng búa đập thủy lực trong phá đá quá cỡ để giảm thiểu ảnh hưởng do nổ mìn.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy chữa cháy theo luật phòng cháy chữa cháy. Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình môi trường và chương trình giám sát môi trường định kỳ. Số liệu giám sát sẽ được cập nhật đầy đủ để báo cáo định kỳ cho cơ quan quản lý và lưu giữ tại văn phòng mỏ.

- Công ty cam kết đền bù thiệt hại khi để xảy ra sự cố môi trường.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố môi trường đã đề xuất;

- Cam kết xử lý và không để phát sinh bụi trên đường vận chuyển, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt, đi lại của người dân; hỗ trợ kinh phí cho địa phương để thực hiện duy tu, sửa chữa đường do ảnh hưởng từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu của dự án
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam và nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4200544389

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 02 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 03 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH PHƯỚC THÀNH**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

thôn Giải Phóng, Phường Ba Ngòi, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 058.3 968388

Số Fax: 058.3 968457

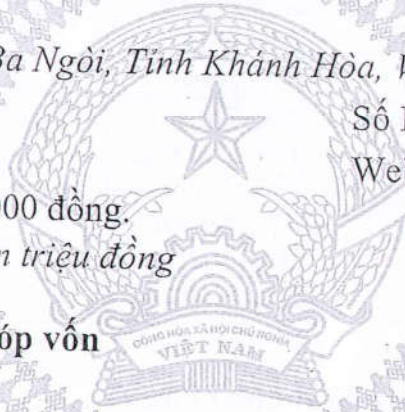
Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 9.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY CHÂU	Việt Nam	Tdp Phú Trung, Phường Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	6.407.280.000	64,720	042056011382	
2	NGUYỄN DUY LƯƠNG	Việt Nam	Tdp Thuận Lợi, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	3.492.720.000	35,280	058090002518	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN DUY CHÂU

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/07/1956*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *042056011382*

Chức danh: *Giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Tdp Phú Trung, Phường Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

ĐANG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: *11922* Quyền Số: *C1* SCT/BS

Ngày *03-10-2025*



Nguyễn Hữu Huệ

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Thị Phương Thảo

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 37121000273

Chứng nhận lần đầu, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 1353/SKHĐT-HTĐT ngày 18/7/2011, số 1683/SKHĐT-HTĐT ngày 22/8/2011 và số 482/SKHĐT-HTĐT ngày 01/3/2012 và Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư kèm hồ sơ dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường Hồ Hành 1 tại thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh lập ngày 10/6/2011 của Công ty TNHH Phước Thành.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Chứng nhận:

Công ty TNHH Phước Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702000596 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004.

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Người đại diện pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Duy Châu - Giám đốc: sinh ngày 20/7/1956, dân tộc kinh, quốc tịch Việt Nam, số CMND số 264108137 do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 01/12/2005.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B1, thôn Suối Giếng, xã Công Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Chỗ ở hiện tại: số 391A Quốc lộ 1A, phường Cam Thuận, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1.

Tên dự án đầu tư: **KHAI THÁC ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG HỒ HÀNH 1.**

Điều 2.

Địa điểm thực hiện dự án: Mỏ đá Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh.

Điều 3. Mục tiêu và qui mô của dự án



a) Mục tiêu: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

b) Quy mô:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 25,0ha

- Công suất khai thác: 200.000 m³

Điều 4.

- Vốn đầu tư dự kiến để thực hiện dự án: 18.080.407.384 tỷ đồng

- Nguồn vốn thực hiện:

+ Vốn của doanh nghiệp: 10.080.407.384 tỷ đồng

+ Vốn vay: 8,0 tỷ đồng

Điều 5.

Thời hạn thực hiện dự án là 37 (ba mươi bảy) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (trong đó thời gian XDCB là 1 năm, thời gian khai thác là 35,5 năm, thời gian cải tạo phục hồi môi trường là 0,5 năm).

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án

Thời gian hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng : 10 tháng.

Nhà đầu tư không thực hiện đúng theo tiến độ nêu trên mà không có lý do chính đáng, được UBND tỉnh chấp thuận thì UBND tỉnh Khánh Hoà sẽ thu hồi lại giấy chứng nhận đầu tư, mọi chi phí liên quan đến dự án nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Điều 7. Các ưu đãi đầu tư đối với dự án

- Ưu đãi về đất đai theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005.

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 11/8/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 8. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư liên hệ với Cục thuế tỉnh Khánh Hoà để được hướng dẫn thực hiện các nội dung ưu đãi đầu tư theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. Nhà đầu tư có văn bản cam kết di dời trang thiết bị, tài sản trên đất phục vụ hoạt động khoáng sản; phục hồi môi trường và hoàn trả mặt bằng mà không được bồi hoàn kinh phí khi các cơ quan chức năng triển khai các dự án giao thông, công cộng.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, một bản cấp cho nhà đầu tư, một bản đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Ngày 03-10-2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh



CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Hữu Huệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

BẢN SAO



**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG
SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG**

Số 1092.GP/UBND
Ngày cấp. 14.1.5./2009



Số 1092/GP-UBND

Nha Trang, ngày 14 tháng 5 năm 2009

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005;

Xét Đơn và hồ sơ xin thăm dò khoáng sản số 12/CT,PT ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Công ty TNHH Phước Thành và Biên bản thẩm định kỹ thuật ngày 02 tháng 4 Năm 2009;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 181/TTr-STNMT ngày 24/4/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Phước Thành được thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, TX.Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Diện tích khu vực được thăm dò 250.000 m² (25 ha) được giới hạn bởi các điểm khép góc A; B; C; D và E có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Thời hạn thăm dò: 15 tháng, từ tháng 4 năm 2009 đến tháng 7 năm 2010

Khối lượng: (theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Công ty TNHH Phước Thành có trách nhiệm:

1. Thực hiện thăm dò theo đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Thực hiện nộp tiền đặt cọc, phí độc quyền thăm dò và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

- Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành;
- Trình thẩm định, các xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Điều 3. Trước khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Phước Thành phải thông báo chương trình hoạt động cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa và chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Phước Thành (02 bản);
- Sở TN&MT tỉnh Khánh Hòa (02 bản);
- UBND TX. Cam Ranh;
- Chi cục khoáng sản miền Nam;
- Lưu: VP UB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
Số đăng ký: 28 ĐK/TD

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... 12006... Quyển Số... 0... SCT/BS

Ngày 06-10-2025

Nha Trang, ngày 14 tháng 5 năm 2023



Lê Bá Hoàng Long



GIÁM ĐỐC

LÊ MỘNG DIỆP

KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Phụ lục đính kèm Giấy phép số 1092/GP-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2009)

Vị trí khu vực thăm dò khoáng sản tại thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, TX.Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ (VN2000 kinh tuyến trục 108⁰15' múi 3 độ) như sau:

TT	Điểm	X(m)	Y(m)
1	A	1318474	593175
2	B	1318322	593479
3	C	1317808	592915
4	D	1318104	592702
5	E	1318292	592844



Diện tích thăm dò: 250.000 m² (25ha);

Loại khoáng sản thăm dò: đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

Đề nghị Công ty TNHH Phước Thành thực hiện việc thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực trên theo khối lượng như sau:

a. Công tác thu thập tài liệu: thu thập tất cả các tài liệu liên quan, chú trọng về đặc điểm địa chất, quy mô phân bố, chất lượng, trữ lượng đá xây dựng đã công bố ở khu vực nghiên cứu.

b. Lộ trình đo vẽ lập bản đồ địa chất tỉ lệ 1/2.000: khối lượng 25 ha, các tuyến cách nhau từ 30 - 50 m, các điểm khảo sát trên tuyến cách nhau từ 20 - 30 m. Tại mỗi điểm lộ, mô tả chi tiết đặc điểm địa chất, địa mạo, vỏ phong hóa, ... và lấy các loại mẫu nguyên cứu theo tiêu chuẩn ngành.

c. Công tác trắc địa:

- + Mua mốc tọa độ và độ cao: tối thiểu 02 điểm
- + Lưới khống chế tọa độ và độ cao đường chuyền cấp 1: 02 điểm
- + Lưới khống chế đường chuyền cấp 2: 09 điểm
- + Đưa các công trình và các mốc thăm dò từ bản đồ ra thực địa: 11 điểm
- + Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ 1/2.000: 25 ha
- + Thủy chuẩn kỹ thuật: 1,1 km
- + Đo thu công trình: 11 điểm
- + Đo mặt cắt địa hình tỉ lệ 1/2.000: 01 km

d. Công tác khoan máy công trình địa chất:

Công tác khoan máy: khoan 10 lỗ khoan, độ sâu từ 42 đến 190m.



d. Công tác Địa chất thủy văn – Địa chất công trình:

Thu thập đầy đủ các tài liệu về khí tượng thủy văn trong vùng trong khoảng thời gian 05 năm gần đây.

Lộ trình đo vẽ lập bản đồ Địa chất thủy văn – Địa chất công trình tỉ lệ 1/2.000, khối lượng 25 ha.

Công tác quan trắc địa chất thủy văn – địa chất công trình phải thực hiện theo tiêu chuẩn ngành.

đ. Công tác lấy, gia công mẫu: khối lượng theo bảng sau

STT	Loại mẫu	ĐVT	Khối lượng
1	Mẫu thạch học	Mẫu	22
2	Mẫu hóa silicat toàn diện	Mẫu	11
3	Mẫu SO ₃	Mẫu	11
4	Mẫu mài mòn tang quay	Mẫu	3
5	Mẫu độ bms dính nhựa đường	Mẫu	3
6	Mẫu quang phổ bán định lượng	Mẫu	8
7	Mẫu tham số phóng xạ	Mẫu	3
8	Mẫu cơ lý đất toàn diện	Mẫu	6
9	Mẫu cơ lý đá đơn giản	Mẫu	22
10	Mẫu cơ lý đá toàn diện	Mẫu	11
11	Mẫu trọng sa	Mẫu	3
12	Mẫu thoi đẹp của đá	Mẫu	3
13	Mẫu hóa nước đơn giản	Mẫu	2
14	Mẫu vi trùng nước	Mẫu	2
15	Mẫu phóng xạ	Mẫu	3

e. Sản phẩm trình thẩm định, xét duyệt báo cáo gồm:

- + Báo cáo thuyết minh kết quả thăm dò;
- + Bản đồ tài liệu thực tế địa chất tỉ lệ 1/2.000;
- + Bản đồ địa chất vùng mỏ tỉ lệ 1/2.000;
- + Bản đồ Địa chất thủy văn – Địa chất công trình mỏ tỉ lệ 1/2.000;
- + Bản đồ địa hình tỉ lệ 1/2.000;
- + Mặt cắt địa chất các tuyến thăm dò và tính trữ lượng tỉ lệ 1/2.000;
- + Bản đồ phân khối trữ lượng tỉ lệ 1/2.000;
- + Các biểu, bảng tổng hợp và các phụ lục khác đính kèm.



QUYẾT ĐỊNH

Phê chuẩn trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa”
(trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 10 năm 2010)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Công văn số 3006/BTNMT-VPTL ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 1092/GP-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2009 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp cho Công ty TNHH Phước Thành thăm dò khoáng sản tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Phước Thành tại văn bản số 75/2010/PT ngày 08 tháng 10 năm 2010 về việc trình thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số 1184/STNMT-KS ngày 01/6/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa” với trữ lượng đá làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 121 là 14.697.388 m³;

Điều 2. Tài liệu của Báo cáo thăm dò khoáng sản được sử dụng lập Báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản và nộp lưu trữ địa chất tại Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hoà. Trong quá sử dụng cần lưu ý các ý kiến nhận xét của các chuyên gia thẩm định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cam Phước Đông và Giám đốc Công ty TNHH Phước Thành có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Cục ĐCKS VN;
- Chi cục KSMN;
- Lưu VT+HN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

CHỖ NG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 11920.....Quyển Số 01.....SCT/BS

Ngày 03-10-2025



Nguyễn Hữu Huệ

Số 1877 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung nội dung Quyết định số 1495/QĐ-UBND, ngày 09/6/2011 của UBND tỉnh phê chuẩn trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/BTNMT, ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung nội dung Quyết định số 1495/QĐ-UBND, ngày 09/6/2011 của UBND tỉnh phê chuẩn trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa” như sau:

- Trữ lượng đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 121 là 1.279.516 m³.

Điều 2. Các nội dung tại Quyết định số 1495/QĐ-UBND, ngày 09/6/2011 của UBND tỉnh giữ nguyên giá trị thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch: UBND thành phố Cam Ranh, UBND xã Cam Thịnh Đông và Giám Đốc Công ty TNHH Phước Thành có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
- Như điều 3;
- Tổng cục ĐC và KSVN;
- Chi Cục KSHDKS miền Nam;
- Lưu: VP, UBND, Công chứng viên

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

Số: 498/SCT-KTATMT

Khánh Hoà, ngày 13 tháng 7 năm 2011

THAM GIA Ý KIẾN THIẾT KẾ CƠ SỞ

Của dự án đầu tư xây dựng công trình: khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, TP Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Kính gửi: Công ty TNHH Phước Thành.

Căn cứ Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa, về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa, về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hoà đến năm 2015 và định hướng sau năm 2015;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Phước Thành tại tờ trình số 32/TTr-PT ngày 28 tháng 6 năm 2011, về việc tham gia ý kiến thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư Khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, Tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà;

Sở Công Thương Khánh Hòa tham gia ý kiến Thiết kế cơ sở mỏ (TKCS) Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Hồ Hành 1 của Công ty TNHH Phước Thành với các nội dung chủ yếu sau:

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư Khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, Tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Phước Thành.
3. Tên tổ chức lập dự án: Viện Công nghệ & Khoa học Quản lý Môi trường – Tài nguyên. Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Khai thác mỏ Nguyễn Minh Hoàng.
4. Tên tổ chức lập TKCS: Viện Công nghệ & Khoa học Quản lý Môi trường – Tài nguyên.

6. Mục tiêu đầu tư: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

7. Công suất thiết kế:

• Tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến : 200.000 m³/năm. Với hệ số nở rời là 1,4 thì sản lượng đạt 280.000 m³/năm.

Bảng 12. Cơ cấu đá thành phẩm các loại mỏ Hồ Hành 1

Loại đá	Thành phẩm (m ³)	Tỷ lệ (%)
Đá 1×2	112.000	40
Đá 4×6	98.000	35
Đá 0×4	42.000	15
Đá mi	28.000	10
Tổng cộng	280.000	100

8. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản:

• Hệ thống khai thác: theo lớp xiên, vận chuyển trên tầng, khai thác theo các khoảnh, khẩu hết chiều dày lớp đá tầng lặn lộ trên mặt.

Bảng 14: Tổng hợp các thông số của hệ thống khai thác

STT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H _t	m	10
2	Chiều cao tầng kết thúc	H _t	m	20
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α _t	độ	45 ⁰
	Trong đất			
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α _{kt}	độ	30 ⁰
	Trong đất			
5	Chiều rộng đai bảo vệ tầng khai thác	B _v	m	3,5
	Chiều rộng đai bảo vệ tầng kết thúc khai thác			
6	Chiều rộng đai bảo vệ tầng kết thúc khai thác	B _v	m	7
7	Chiều rộng dải khẩu	A	m	12,5
8	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	B _{min}	m	32,5
9	Chiều dài tuyến công tác	L	m	43,2
10	Góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ	g	độ	30 ⁰ ÷ 60 ⁰

• Trình tự khai thác: Theo các khoảnh từ trên xuống dưới, trong mỗi khoảnh thứ tự khai thác từ dưới lên trên, hướng khai thác từ Tây Bắc sang Đông Nam.

- Đồng bộ thiết bị khai thác chủ yếu:

Bảng 28: Tổng hợp số lượng các thiết bị khai thác

Năm	Máy khoan Tamrok (chiếc)	Máy khoan con (chiếc)	Máy xúc (chiếc)	Ô tô (chiếc)	Máy nén khí (chiếc)	Búa đập thủy lực (bộ)	Máy xúc bánh lốp (chiếc)	Xe bồn (chiếc)
1	1	1	3	3	1	1	1	1
2	1	1	5	3	1	1	1	1
3÷30	1	1	5	3	1	1	1	1
31÷36	1	1	4	2	1	1	1	1
37	1	1	2	2	1	1	1	1

- Chế biến khoáng sản: Hai hệ thống nghiền sản đá với công suất 2×250 tấn/h. Áp dụng quy trình công nghệ nghiền hai giai đoạn, đá nguyên khai từ bunke cấp liệu được chuyển trực tiếp vào máy nghiền thô (nghiền má) nhờ băng chuyền xích. Đá nghiền ra được qua băng tải để chuyển vào máy sàng. Sau khi sàng đá được đưa qua máy nghiền côn rồi qua hệ thống băng tải ra bãi chứa đá các loại.

9. Địa điểm xây dựng: Thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, Tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà.

10. Tổng diện tích sử dụng đất:

- Diện tích khai trường: 223.332 m².
- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp: 40.000 m².
- Diện tích bãi thải: 10.000 m².
- Khu văn phòng: 2.300 m².

11. Các hạng mục xây dựng chính để phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ:

Làm đường vận chuyển dài 530m, nhà xưởng, nhà điều hành, trạm biến áp, kho vật liệu nổ.

12. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ:

- Công tác bảo vệ môi trường :

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là bụi và khí thải và tiếng ồn từ các hoạt động xúc bốc đất đá, trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển.

- Đo ô nhiễm nước, tiếng ồn, không khí với tần suất 4 lần/năm.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu: Giảm thiểu ô nhiễm bụi, các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.

- Phương án phục hồi môi trường: gia cố bờ mỏ, san gạt mặt bằng sân công nghiệp, trồng cây xanh trong diện tích khai thác.

• Công tác an toàn và phòng chống cháy nổ:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động phù hợp.
- An toàn trong khâu khoan nổ mìn, an toàn trong khâu xúc bốc, vận tải, thoát nước, điện, vận hành máy móc, thiết bị.

13. Tổng vốn đầu tư của dự án : 18.080.407.384 đồng.

(Mười tám tỷ, không trăm tám mươi triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng)

14. Thời gian thực hiện dự án: 37 năm.

(Trong đó thời gian XD/CB là 1 năm, thời gian khai thác là 35,5 năm, thời gian cải tạo phục hồi môi trường là 0,5 năm).

15. Nội dung khác:

Thải đất đá: Tổng khối lượng đất đá thải trong thời gian thực hiện dự án khoảng 1.279.516 m³. Đất phủ được xúc, thu gom để san lấp mặt bằng, cung cấp san lấp các công trình ngay tại khu vực và một phần đổ vào bãi thải.

II. Các ý kiến thẩm định về Thiết kế cơ sở:

1. Văn bản pháp lý của dự án:

a. Tư cách pháp nhân của chủ đầu tư :

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty TNHH Phước Thành, số 3702000596 đăng ký ngày 19/02/2004. Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng giao thông thuỷ lợi dân dụng; Sản xuất và mua bán đá xây dựng...

b. Tài liệu địa chất mô:

- Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 09/6/2011 của UBND tỉnh Khánh Hoà, về việc “ Phê chuẩn trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản đá vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà”.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở :

TKCS Dự án đầu tư Khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, Tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà do Công ty TNHH Phước Thành làm Chủ đầu tư, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành khai thác đá vật liệu xây dựng tại địa phương. Nếu dự án đầu tư xây dựng công trình được triển khai sẽ đáp ứng nhu cầu về đá vật liệu xây dựng của thị trường, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, góp phần phát triển công nghiệp khai thác và chế biến đá vật liệu xây dựng tại địa phương.

- Nội dung TKCS có nêu công tác vận tải ngoài mỏ (Mục 17.2), nhưng việc kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài mỏ chưa được đề cập. Khi thực hiện việc kết nối cần có ý kiến của ngành chức năng.

3. Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ :

- Nội dung TKCS của Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Hồ Hành 1 do Công ty TNHH Phước Thành làm chủ đầu tư, dựa theo các quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật như sau: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên (TCVN 5178-2004), Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên (TCVN 5326-2008), QCVN 02:2008/BCT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy VLNCN”, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên (QCVN 04:2009/BCT) của Bộ Công Thương ban hành ngày 07/7/2009.

• Bảo vệ môi trường:

Tại *Chương 19*, đã phân tích các tác động của việc khai thác, chế biến đá đến môi trường đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục để giảm thiểu ô nhiễm: Xử lý chất thải, nước thải, giảm thiểu ô nhiễm không khí do bụi, hạn chế tiếng ồn, độ rung. Đưa ra chương trình giám sát ô nhiễm môi trường hàng năm và công tác phục hồi đất đai sau khi đóng cửa mỏ. Tuy nhiên nội dung của thiết kế cơ sở, cần nêu những tiêu chuẩn về môi trường do pháp luật quy định; để trong quá trình quản trắc và giám sát môi trường có các chỉ tiêu để so sánh, nhằm đưa ra giải pháp kiểm soát, xử lý kịp thời.

• Bảo hộ lao động (BHLĐ):

TKCS chưa đề cập rõ; cần nêu cụ thể trang bị, phương tiện BHLĐ đúng tiêu chuẩn và phù hợp cho người lao động để bảo đảm an toàn trong quá trình sản xuất.

4. Các giải pháp kỹ thuật, công nghệ khai thác mỏ:

• Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế lựa chọn trong Thiết kế cơ sở:

Tại *Chương 6. Hệ thống khai thác*: Nội dung TKCS đã phân tích đặc điểm của hệ thống khai thác (HTKT) và chọn hệ thống khai thác: là hệ thống theo lớp xiên, vận chuyển trên tầng, khai thác theo các khối, khâu hết chiều dày lớp đá tầng lẫn lộ trên mặt có ưu điểm là khả năng cơ giới hoá cao, điều kiện làm việc an toàn và thuận lợi, tổ chức điều hành công tác trên mỏ tập trung.

• Công tác mở vỉa và trình tự khai thác:

Các thông số của hào mở vỉa của dự án phù hợp với trình tự khai thác khoáng sản đã chọn, điều kiện địa chất, địa hình, vị trí bãi thải và các thiết bị vận tải sử dụng, cũng như vị trí các công trình khác trên mặt bằng công nghiệp:

- Mở vỉa khai thác với diện tích khoảng 1.900 m², cách lỗ khoan số 4 khoảng 50 m về hướng Tây Bắc bao gồm các công tác: làm đường vận chuyển, san gạt mặt bằng sân công nghiệp, làm bờ kè cấp liệu, bóc tầng phủ.

- Dự án chọn trình tự khai thác: theo các khối từ trên xuống dưới, trong mỗi khối thứ tự khai thác từ dưới lên trên, hướng khai thác từ Tây Bắc sang Đông Nam.

5. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

5a. Đơn vị tư vấn:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số đăng ký : 113/ĐK-KHCN, đăng ký lần đầu, ngày 01/2/2005. Lĩnh vực hoạt động: Tư vấn thiết kế và xây lắp công nghệ xử lý môi trường, đánh giá tác động môi trường, khảo sát địa chất, thăm dò trữ lượng và phương án khai thác tài nguyên, bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, viễn thám, mô hình hoá, quan trắc môi trường...

5b. Chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng: Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ lộ thiên, số chứng chỉ KS.08-3629 do Bộ trưởng Bộ Xây dựng cấp cho ông Nguyễn Minh Hoàng ngày 18/9/2007.

6. Tính đầy đủ và phù hợp về nội dung của Thiết kế cơ sở so với quy định:

Nội dung TKCS của Dự án đầu tư Khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, Tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà do Công ty TNHH Phước Thành lập Dự án đầu tư; đã thể hiện đầy đủ từ chương 1 đến chương 21 (Kèm theo 15 bản vẽ), theo nội dung của Thông tư 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn. Tuy nhiên có một số nội dung TKCS chưa nêu cụ thể:

- *Tại Chương 16. Cung cấp nước và thải nước:* Nội dung TKCS cần nêu rõ các tiêu chuẩn thải về nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt cũng như các giải pháp xử lý nước thải để giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình khai thác.

- *Tại chương 19. Bảo vệ môi trường:* TKCS đi sâu phân tích đánh giá các tác động môi trường và đề ra các giải pháp giảm thiểu, nhưng chưa đặt trọng tâm phải có tiến độ hoàn nguyên môi trường, nội dung khôi phục môi sinh.

- Công tác Đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường chủ đầu tư cần thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước.

III. Kết luận và kiến nghị :

Đủ điều kiện xem xét và phê duyệt TKCS Dự án đầu tư Khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, Tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà do Công ty TNHH Phước Thành làm chủ đầu tư.

Tuy nhiên có một số nội dung, đề nghị đơn vị tư vấn lập TKCS của dự án đầu tư cần lưu ý điều chỉnh, bổ sung sau đây:

- *Tại Chương 19. Bảo vệ môi trường,* đơn vị tư vấn cần nêu những quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường do pháp luật quy định; để trong quá trình quan trắc và giám sát môi trường có các chỉ tiêu cụ thể nhằm đưa ra các giải pháp kiểm soát ô nhiễm và xử lý hiệu quả, kịp thời.

- TKCS chưa đề cập cụ thể về *biện pháp Phòng chống sự cố cháy nổ trên toàn bộ dự án.* Đề nghị nêu rõ: Về công tác Phòng chống cháy nổ thực hiện theo Luật Phòng cháy chữa cháy, Phương án phòng chống chữa cháy lập trên cơ sở quy định hiện hành, đảm bảo nội dung, biện pháp thực hiện phòng cháy chữa cháy; Phương án phải được sự thống nhất của cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy địa phương.



Số: 234/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1”
(Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” (Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa theo Biên bản họp ngày 01 tháng 9 năm 2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” (Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 52/CVPT ngày 08/01/2012 của Công ty TNHH Phước Thành;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ..31..../TTr-STNMT ngày 16/01/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” (Công suất:



200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa được lập bởi Công ty TNHH Phước Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1. Địa điểm thực hiện dự án: xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Trong quá trình thi công, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất và nước khu vực dự án và khu dân cư xung quanh. Thu gom và xử lý chất thải rắn đúng quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

2.2. Phải có các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sau khi xử lý phải đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Chất lượng không khí đạt theo Quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Độ ồn không vượt qua Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2.3. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cho phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cam Ranh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

2.4. Thực hiện Chương trình giám sát môi trường đúng như trong Chương 5 (Mục 5.2. Chương trình giám sát môi trường) trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2.5. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án tại UBND xã Cam Phước Đông để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát trước khi triển khai thực hiện dự án.



Số: 518 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường
của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1”
(Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Xét Đơn và nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” (Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 52/CVPT ngày 08/01/2012 của Công ty TNHH Phước Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 43/TTr-STNMT-CCBVM ngày 23/02/2012;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” (Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa của Công ty TNHH Phước Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung cụ thể sau:

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Trồng cây xung quanh diện tích khu vực khai thác, bãi thải, khu công nghiệp, khu văn phòng, riêng phần diện tích sâu so với mặt bằng tự nhiên tại moong khai (+35 mét) sẽ tiến hành cải tạo san gạt làm cống rãnh thoát nước, biển báo hàng rào để tạo hồ cảnh quan.



042/2018

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **7.046.587.218 đồng** (Bảy tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm mười tám đồng).

- Số lần ký quỹ: 37 lần.

+ Lần 1, số tiền: 13+ 162.225.000 VNĐ

+ Lần 2, số tiền: 14+ 27.882.121 VNĐ

+ Lần 3, số tiền: 15+ 30.444.488 VNĐ

+ Lần 4, số tiền: 16+ 33.242.337 VNĐ

+ Lần 5, số tiền: 17+ 36.297.308 VNĐ ✓

+ Lần 6, số tiền: 18+ 39.633.030 VNĐ ✓

+ Lần 7, số tiền: 19+ 43.275.306 VNĐ ✓

+ Lần 8, số tiền: 20- 47.252.306 VNĐ ✓

+ Lần 9, số tiền: 21 51.594.793 VNĐ ✓

+ Lần 10, số tiền: 56.336.355 VNĐ

+ Lần 11, số tiền: 61.513.666 VNĐ

+ Lần 12, số tiền: 67.166.772 VNĐ

+ Lần 13, số tiền: 73.339.398 VNĐ

+ Lần 14, số tiền: 80.079.289 VNĐ

+ Lần 15, số tiền: 87.438.575 VNĐ

+ Lần 16, số tiền: 95.474.180 VNĐ

+ Lần 17, số tiền: 104.248.258 VNĐ

+ Lần 18, số tiền: 113.828.672 VNĐ

+ Lần 19, số tiền: 124.289.527 VNĐ

+ Lần 20, số tiền: 135.711.735 VNĐ

+ Lần 21, số tiền: 148,183,643 VNĐ

+ Lần 22, số tiền: 161.801.720 VNĐ

+ Lần 23, số tiền: 176.671.298 VNĐ

} } } 220.557.139,

+ Lần 24, số tiền:	192.907.391 VNĐ
+ Lần 25, số tiền:	210.635.580 VNĐ
+ Lần 26, số tiền:	229.992.990 VNĐ
+ Lần 27, số tiền:	251.129.345 VNĐ
+ Lần 28, số tiền:	274.208.132 VNĐ
+ Lần 29, số tiền:	299.407.860 VNĐ
+ Lần 30, số tiền:	326.923.442 VNĐ
+ Lần 31, số tiền:	356.967.706 VNĐ
+ Lần 32, số tiền:	389.773.038 VNĐ
+ Lần 33, số tiền:	425.593.181 VNĐ
+ Lần 34, số tiền:	464.705.194 VNĐ
+ Lần 35, số tiền:	507.411.601 VNĐ
+ Lần 36, số tiền:	554.042.727 VNĐ
+ Lần 37, số tiền:	604.959.254 VNĐ



- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa, số 04 Hoàng Hoa Thám, Nha Trang, Khánh Hòa.

c) Thời gian thực hiện việc ký quỹ: chủ dự án phải thực hiện ký quỹ lần đầu tiên trước khi tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản 30 (ba mươi) ngày.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện kỹ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1 Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND xã Cam Phước Đông và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cam Phước Đông về nội dung của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và Quyết định phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt kèm theo bản sao quyết định phê duyệt.

2.2 Chủ dự án phải gửi văn bản báo cáo kế hoạch hoàn thổ, phục hồi môi trường và các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để theo dõi và kiểm tra.

2.3 Trong thời hạn 5 (năm) năm kể từ khi hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án tiếp tục chịu trách nhiệm về chất lượng của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường.

2.4 Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường tại nơi đã tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và thực hiện các thủ tục đầu tư để khắc phục sự cố.

2.5 Thực hiện Chương trình giám sát môi trường đúng như trong Chương 4 (Mục 4.2. Chương trình giám sát môi trường) trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường, cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2.6 Sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mà thời hạn của giấy phép khác với thời gian đã tính trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì Chủ dự án phải tính toán lại khoản tiền ký quỹ hàng năm phù hợp với thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để xem xét, điều chỉnh.

2.7. Việc hoàn trả tiền ký quỹ chỉ được thực hiện sau khi có xác nhận đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” (Công suất: 200.000 m³/năm đá nguyên khai) tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Chủ dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 6. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Sở TN & MT;
- UBND xã Cam Phước Đông;
- UBMTTQ xã Cam Phước Đông;
- UBND thành phố Cam Ranh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa;
- Lưu VT+HN.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 11928.....Quyển Số: 01.....SCT/BS

Ngày 03-10-2025

CHỨNG VIỆN

VĂN PHÒNG

CÔNG CHỨNG

TRƯỜNG AN



[Handwritten signature]

Lê Đức Vinh

Nguyễn Hữu Huệ



Số 2119/GP-UBND

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 8 năm 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2011 về việc phê chuẩn trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa” và Quyết định số 1877/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 8 năm 2012 điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2011; Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 234/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 01 năm 2012 và Quyết định phê duyệt Dự án cải tạo phục hồi môi trường số 518/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa;

Xét Đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản số 29/PT, ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Công ty TNHH Phước Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Phước Thành được khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

1. Diện tích khu vực khai thác: 25 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc A, B, C, D và E có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

2. Trữ lượng khai thác là:

- Đá: 7.151.618 m³ đá nguyên khai;
- Đất san lấp đi kèm: 53.828 m³;

3. Công suất khai thác:

- Đá: 200.000m³ nguyên khai/năm



- Đất san lấp đi kèm: từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 2 là 3.800 m³/năm, từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 30 là 1.651m³/năm

4. Phương pháp khai thác: lộ thiên

5. Thời hạn khai thác: 30 năm, từ ngày 01 tháng 9 năm 2012 đến ngày 01 tháng 9 năm 2042.

Điều 2. Công ty TNHH Phước Thành có trách nhiệm:

1. Thực hiện khai thác khoáng sản theo Dự án đầu tư về khai thác, thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt, các qui định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan;

2. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành;

3. Thực hiện đóng cửa mỏ, ký quỹ phục hồi môi trường, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo qui định của pháp luật.

4. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngay sau khi có quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty TNHH Phước Thành nộp thiết kế mỏ, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa; ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Phước Thành (02 bản);
- Sở TN&MT tỉnh Khánh Hòa (02 bản);
- UBND thành phố Cam Ranh;
- Tổng cục ĐC và KSVN;
- Chi Cục KSHĐKS miền Nam;
- Ưu: VP, UB.



Giấy phép khai thác khoáng sản này được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa

Số đăng ký: 28/2012 ĐK/KT

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 10 năm 2012



CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1927 Quyển Số: 01 SCT/BS

Ngày 03-10-2025



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 2119/GP-UBND ngày 27 tháng 8 năm
2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Điểm	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 108 ^o 15' múi 3 ^o)	
		X(m)	Y(m)
1	A	1318473,64	593175,30
2	B	1318322,26	593479,37
3	C	1317808,25	592915,43
4	D	1318103,99	592702,00
5	E	1318292,00	592844,00
Diện tích 25 ha			



Số: 2810/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Phước Thành thuê đất tại mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004: về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về việc quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ~~477~~/TTr-STNMT ngày 02 tháng 11 năm 2012,

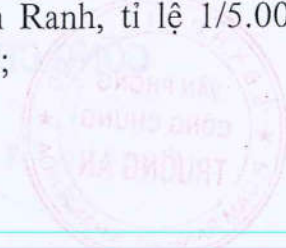
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Phước Thành (trụ sở chính tại thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa) thuê 250.000,0 m² đất tại mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh để khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

Thời hạn thuê đất: kể từ ngày ký quyết định đến ngày 01/9/2042 (ngày kết thúc thời hạn khai thác theo giấy phép khai thác).

Ranh giới khu đất được xác định bởi tọa độ các điểm khép góc A, B, C, D và E theo tờ bản đồ khu vực khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉ lệ 1/5.000 được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 28/8/2012;

Hạn chế quyền của người sử dụng đất:



Đối với phần diện tích đất dự kiến mở đường sắt cao tốc Bắc Nam đi qua dự án, khi Nhà nước có nhu cầu thu hồi đất để sử dụng theo quy hoạch chung thì Công ty phải thực hiện di dời và không bồi thường.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho Công ty TNHH Phước Thành nộp tiền thuê đất và phí, lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành;
2. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Phước Thành;
3. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cam Ranh, UBND xã Cam Phước Đông xác định cụ thể mốc giới, và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Phước Thành sử dụng theo quy định;
4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Phước Thành sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;
5. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Cam Ranh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà; Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố Cam Ranh; Chủ tịch UBND xã Cam Phước Đông; Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Khánh Hoà; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cam Ranh; Giám đốc Công ty TNHH Phước Thành và thủ trưởng các ngành, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, HgP, MN, BN.

16

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 11929. Quyển Số: SCT/BS

Ngày 03-10-2025



Nguyễn Hữu Huệ

BẢN SAO

Số: 98/2012/HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 12 năm 2012

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Phước Thành thuê đất tại mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

Hôm nay, ngày 14 tháng 12 năm 2012 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, chúng tôi gồm có:

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Do ông: Lê Mộng Điệp;

Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. Bên thuê đất là Công ty TNHH Phước Thành

Trụ sở tại: thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Do ông: Nguyễn Duy Châu;

Chức vụ: Giám đốc Công ty làm đại diện;

Số Tài khoản: 4702201000460 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cam Ranh.

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 250.000,0m² (Hai trăm năm chục ngàn mét vuông), tại mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh để sử dụng vào mục đích khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường;

2. Ranh giới, kích thước khu đất được xác định bởi tọa độ các điểm khép góc A, B, C, D và E theo tờ bản đồ khu vực khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường lệ 1/5.000 được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 28/8/2012;



BẢN SAO

Hạn chế quyền của người sử dụng đất: Đối với phần diện tích đất dự kiến mở đường sắt cao tốc Bắc Nam đi qua dự án, khi nhà nước có nhu cầu thu hồi đất để sử dụng theo quy hoạch chung thì Công ty phải thực hiện di dời và không bồi thường.

3. Thời hạn thuê đất: kể từ ngày 08/11/2012 đến ngày 01/9/2042 (ngày kết thúc dự án theo Giấy phép khai thác).

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm dưới lòng đất.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất: theo quyết định số 4391/QĐ-STC ngày 04/12/2012 của Sở Tài chính Khánh Hoà về đơn giá thuê đất đối với khu đất cho Công ty TNHH Phước Thành thuê đất để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh.

Giá tiền thuê đất là: 563 đồng/m²/năm (Năm trăm sáu mươi ba đồng trên một mét vuông trên một năm).

Đơn giá thuê đất trên được ổn định 5 năm, áp dụng kể từ ngày 08/11/2012 hết hạn sẽ điều chỉnh để áp dụng cho thời hạn tiếp theo.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho Bạc Nhà nước thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai);

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 111 và Điều 114 của Luật Đất đai.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 131 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan Thuế để xác định mức thu tiền thuê đất, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

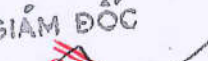
Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

BÊN THUÊ ĐẤT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
P. CAM RANH - T. KH. KH. H. H. C. T. H. H. C.
Nguyễn Duy Châu

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH KH. KH. H. H. C. T. H. H. C.
LÊ VĂN KHÁNH
ĐIỆP

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....11926.....Quyển Số.....SCT/BS

Ngày 03-10-2025

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
TRƯỜNG AN

P. CAM RANH - T. KH. KH. H. H. C. T. H. H. C.

Số: 108 /GXN-STNMT-CCBVMT

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 01 năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1”
tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án : CÔNG TY TNHH PHƯỚC THÀNH
Địa chỉ văn phòng : Thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Địa điểm hoạt động : xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại : 0258.3968.388
Tài khoản số : 1004404698
Tại : Ngân hàng SHB Chi nhánh Khánh Hòa – Phòng giao dịch Cam Ranh
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4200544389
Ngày cấp : 19/02/2004 thay đổi lần thứ 2 ngày 09/7/2013
Nơi cấp : Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư
Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 234/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1” tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (tại Phụ lục kèm theo).

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số *108*/GXN-STNMT-CCBVMT ngày *08* tháng 01 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom xử lý nước thải, nước mưa:

1.1. Thu gom, xử lý nước thải:

Dự án không phát sinh nước thải sản xuất; Nước thải phát sinh tại khu vực mỏ chủ yếu là nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ và được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó tự thấm.

1.2. Thu gom, xử lý nước mưa:

Nước mưa tại khu vực moong khai thác được thu gom về 02 ao lắng với thể tích là 70.000 m³ và 30.000 m³; nguồn nước mưa tại 02 ao lắng này được dự trữ phục vụ cho hệ thống giảm thiểu bụi trong hoạt động khai thác, chế biến của Công ty.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

2.1. Hệ thống tưới nước giảm thiểu bụi:

- Tại dự án có bố trí 03 hàm nghiền: 02 hàm nghiền hoạt động thường xuyên có công suất 250 tấn/giờ và 01 hàm nghiền để dự phòng có công suất 150 tấn/giờ.
- Công ty có bố trí đường ống, máy bơm nước để tưới nước tại các hàm nghiền và các đầu băng tải để giảm thiểu bụi trong quá trình nghiền, sàng.

2.2. Xe bồn phục vụ tưới nước:

Công ty đã bố trí 01 xe bồn để phục vụ việc tưới nước vào những ngày trời nắng từ khu vực mỏ ra tới đường Quốc lộ 1A để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển.

2.3. Trồng cây xanh:

Công ty đã thực hiện trồng cây bạch đàn tại khu vực chế biến và quanh hàng rào để giảm thiểu bụi trong quá trình khai thác, chế biến.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt và đất đá thải:

- Công ty đã bố trí các thùng phuy để lưu trữ chất sinh hoạt của công nhân.

1 - C
PHÒNG
KINH CH
HƯỚNG
RANH

X.H.C
SỞ
NGUYỄN
TRƯỜNG
HÀNG

- Công ty đã bố trí bãi thải tạm với diện tích khoảng 3.000 m² để tập kết đá thải (chủ yếu là đá dăm).

3.2. Đối với chất thải nguy hại:

Công ty bố trí các thùng Phuy để lưu giữ các loại chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, bao bì cứng bằng nhựa thải; bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải; và các thùng Phuy được lưu trữ tại kho lưu trữ chất thải nguy hại khoảng 3m², có mái che và cửa; nền tráng bê tông, có xây gờ để ngăn nước mưa không tràn vào.

4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác:

- Công ty có lắp đặt một số biển cảnh báo nguy hiểm trong khu vực mỏ.
- Xây dựng tường rào khu vực phía Tây của dự án.
- Bố trí thùng cát và bình chữa cháy.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số/GXN-STNMT-CCBVMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày tháng 01 năm 2019.

6. Yêu cầu khác:

6.1. Thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6.2. Báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo, theo quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6.3. Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Cam Ranh, UBND xã Cam Phước Đông với tần suất 03 tháng/01 lần.

6.4. Lập phương án bảo vệ môi trường theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và lưu giữ tại cơ sở.

6.5. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



Số: 2935/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND
ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính
phủ quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày
27/8/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép Công ty TNHH Phước Thành
được khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hồ
Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5401/TTr-
STNMT-KSNKTTVBĐKH ngày 05 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-
UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Khoản 2 Điều 1 trong quyết định ghi:

- Đá: 7.151.618 m³ nguyên khai;

- Đất san lấp đi kèm: 53.828 m³;

Nay đính chính Khoản 2 Điều 1 như sau:

Trữ lượng địa chất khai thác là:

- Đá: 7.151.618 m³;
- Đất san lấp đi kèm: 53.828 m³;

2. Khoản 3 Điều 1 trong quyết định ghi:

Công suất khai thác:

- Đá: 200.000 m³ nguyên khai/năm;
- Đất san lấp đi kèm: từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 2 là 3.800 m³/năm, từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 30 là 1651m³/năm.

Nay đính chính Khoản 3 Điều 1 như sau:

Công suất khai thác theo trữ lượng địa chất:

- Đá: 200.000 m³/năm;
- Đất san lấp đi kèm: từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 2 là 3.800m³/năm, từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 30 là 1651m³/năm.

Điều 2. Các nội dung khác của Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty TNHH Phước Thành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

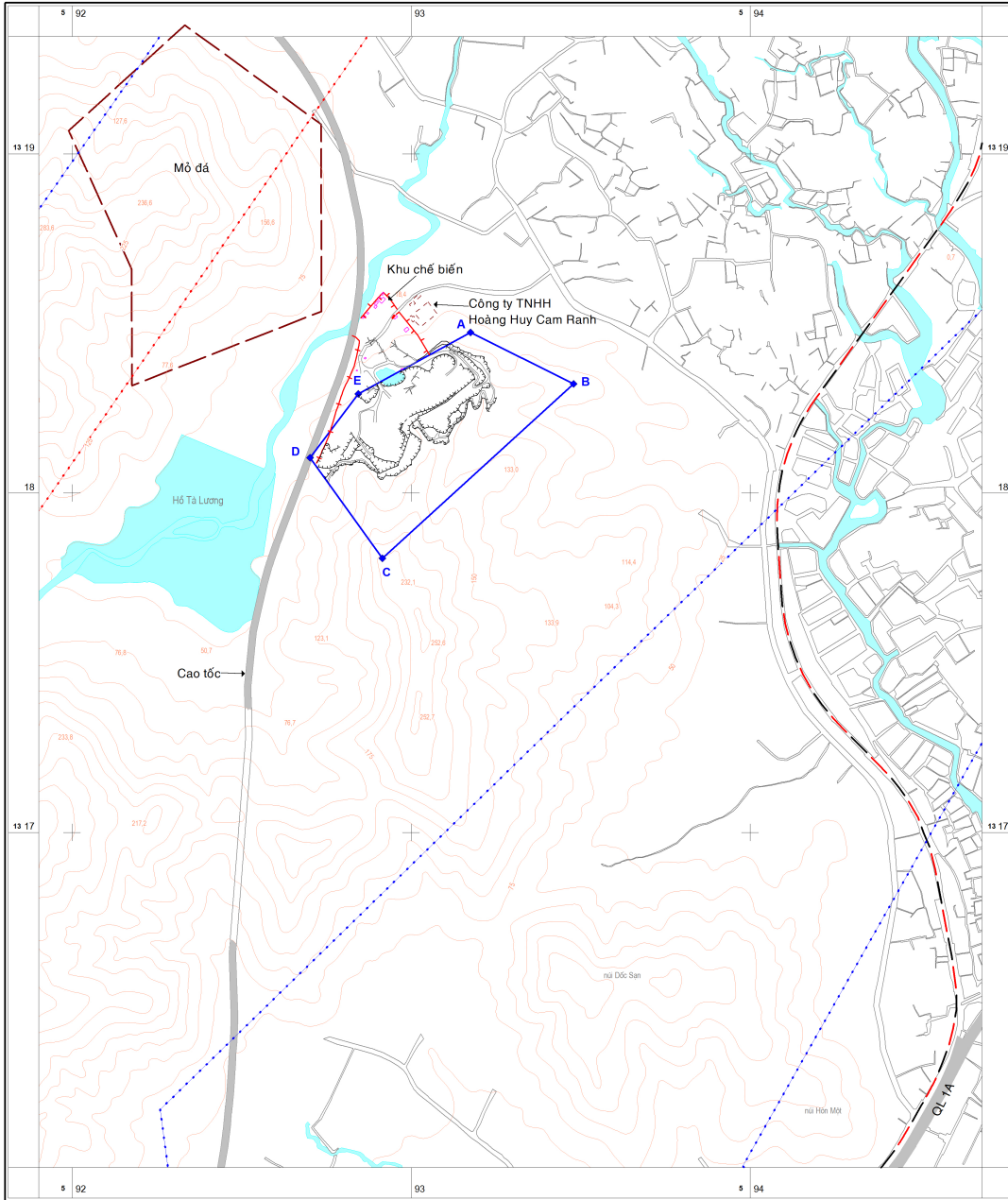
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 11931.....Quyển Số.....SCT/BS



Nguyễn Hữu Huệ

BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG

MỎ ĐÁ XÂY DỰNG HỒ HÀNH 1 TẠI THÔN GIẢI PHÓNG, PHƯỜNG BA NGÒI, TỈNH KHÁNH HÒA



CHỈ DẪN

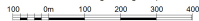
- Ranh giới khai thác và số hiệu điểm mốc.
- Đường bình độ và giá trị độ cao (m).
- Taluy mong khai thác.
- Đường giao thông
- Đường sắt
- Hồ, ao, suối
- Đường điện
- Rào kẽm
- Tường xây
- Trạm nghiên
- Văn phòng phụ trợ
- Trạm cân

TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 KT108° 15', múi 3°	
	X (m)	Y (m)
A	1318.473,64	593.175,30
B	1318.322,26	593.479,37
C	1317.808,25	592.915,43
D	1318.103,99	592.702,00
E	1318.292,00	592.844,00
S = 24,8516 ha		

TỶ LỆ 1:10.000

1cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực tế



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1
- Địa điểm thực hiện: phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa
- Chủ dự án: Công ty TNHH Phước Thành

Địa chỉ liên hệ: Thôn Giải Phóng, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa
- Quy mô:
 - + Diện tích khai trường 25 ha.
 - + Trữ lượng:

- Trữ lượng đá xây dựng khai thác là: 7.151.618 m³;
- Trữ lượng đất san lấp đi kèm là: 53.828 m³.

Căn cứ số liệu báo cáo định kỳ hằng năm đã được thống kê, báo cáo đến nay Công ty đã khai thác 2.739.020 m³. Trữ lượng thực hiện khai thác sau điều chỉnh nâng công suất là:

- Trữ lượng đá xây dựng: 4.412.598 m³;
- Trữ lượng đất phủ: 53.828 m³.

- Công suất:

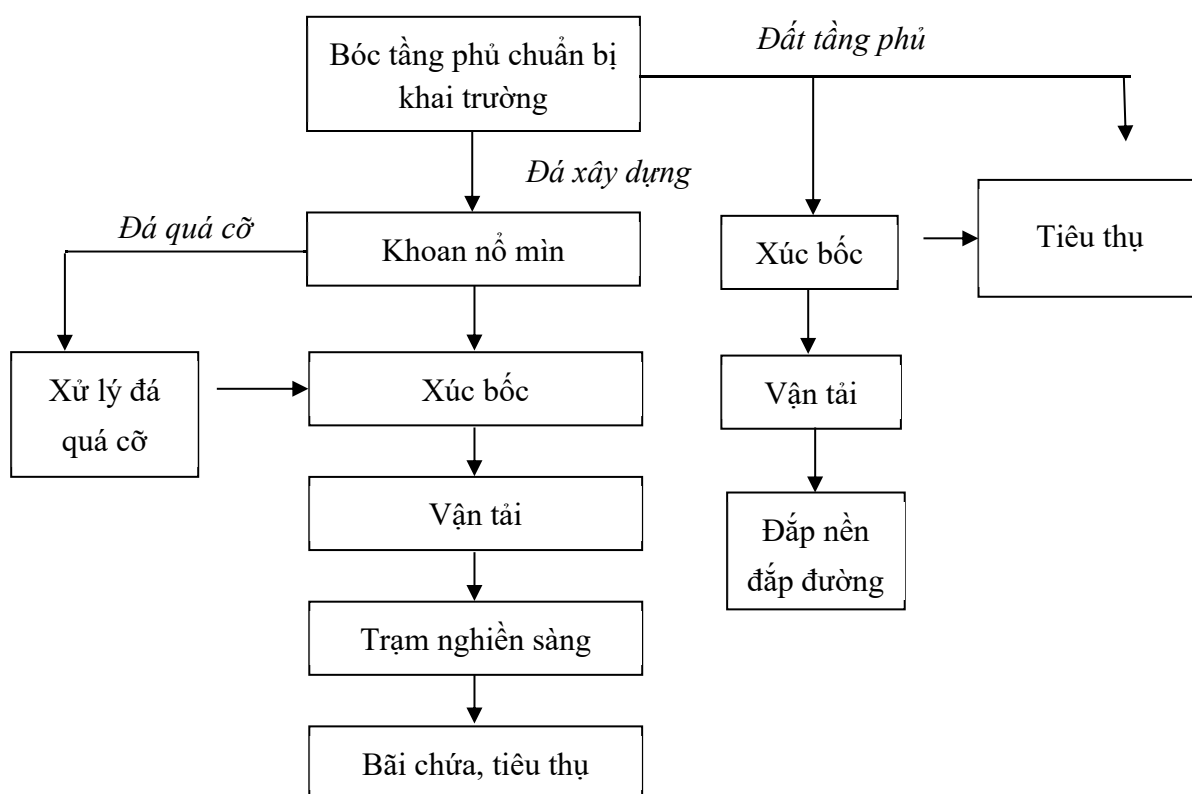
- + Công suất khai thác đá xây dựng: 450.000 m³ nguyên khối/năm (tương ứng 663.750 m³ nguyên khai/năm);
- + Công suất khai thác đất tầng phủ: 200.000 m³ nguyên khối/năm, tương đương 258.000 m³ nguyên khai /năm.

- Tuổi thọ mỏ: 10 năm kể từ ngày cấp Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012.

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

Quy trình công nghệ khai thác, chế biến của dự án: Chuẩn bị khai trường (*phát quang thảm thực vật, xúc bóc tầng đất phủ đến công trình cần đắp nền*) \Rightarrow khoan lỗ (*sử dụng máy khoan lớn $\Phi 105$ để khoan lỗ mìn*) \Rightarrow nổ mìn (*nạp thuốc nổ*), những vị trí đá nứt nẻ nhiều, độ cứng thấp sử dụng đầu đập thủy lực phá đá trực tiếp và để phá đá quá cỡ nhằm đảm bảo kích thước phù hợp của hàm đập \Rightarrow Xúc đá nguyên khai lên xe (*bằng máy đào*) \Rightarrow Vận chuyển đá nguyên khai về khu vực chế biến (*bằng ô tô tự đổ*) \Rightarrow nghiền sàng đá liên hợp (*tổ hợp nghiền sàng*) \Rightarrow Sản phẩm (*đá 0×4 , đá 4×6 , 1×2 , đá mi*) \Rightarrow Bãi lưu chứa \Rightarrow tiêu thụ sản phẩm.

Sơ đồ tổng quát công nghệ khai thác tại mỏ:



1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Hạng mục công trình

Dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1 do Công ty TNHH Phước Thành làm chủ đầu tư đã hoàn thiện pháp lý đi vào hoạt động từ năm 2012. Đến nay tại khu vực thực hiện dự án Công ty đã bố trí các hạng mục công trình phục vụ hoạt động cơ bản đảm bảo công suất sau điều chỉnh. Các hạng mục công trình tại dự án gồm:

Các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Khai trường khai thác khoáng sản có diện tích 25 ha. Diện tích khu vực dự án hiện nay đã hình thành moong khai thác với diện tích đã tác động 110.738,99 m²;

- Ngoài khai trường: bãi thải, khu vực nghiền sàng, khu văn phòng chủ dự án đã tiến hành mua đất của người dân trong khu vực khoảng 3,5ha và các tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

1.4.2. Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn khai thác: Thời gian thực hiện hoạt động khai thác, chế biến (khoan nổ mìn, xúc bốc, chế biến) đá xây dựng và đất tầng phủ. Hoạt động vận chuyển đá thành phẩm đến nơi tiêu thụ. Hoạt động sinh hoạt của công nhân, hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác: Gồm các hoạt động như cải tạo thành hồ chứa nước và lắp đặt cống thoát nước cho khu vực mỏ; tháo dỡ các công trình, san gạt và trồng cây cho khu vực chế biến; cải tạo tuyến đường vận chuyển. Lập thủ tục hồ sơ để thực hiện công tác đóng cửa mỏ theo đúng quy định

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

Căn cứ khoản 4, điều 25, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Khu vực dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

2.1.1. Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.

Mỏ đá Hố Hành 1 có diện tích 25 ha, thuộc xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Mỏ cách quốc lộ 1A khoảng 1km về phía Đông. Cách thành phố Cam Ranh 4,5km về phía Đông.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cho phép Công ty TNHH Phước Thành khai đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hố Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa thì diện tích cấp phép khu vực khai thác là 25 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

Bảng 1: Tọa độ khu vực thực hiện dự án

Điểm góc	Tọa độ VN2000, múi 3 độ, KT 108°30'	
	X (m)	Y (m)
A	1318473,64	593175,30
B	1318322,26	593479,37
C	1317808,25	592915,43

Điểm góc	Tọa độ VN2000, múi 3 độ, KT 108°30'	
	X (m)	Y (m)
D	1318103,99	592702,00
E	1318292,00	592844,00

(Nguồn: Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119/GP-UBND ngày 27/8/2012)



Hình 1: Bản đồ vệ tinh khu vực thực hiện dự án

Dự án đang hoạt động khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2119 ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh. Tổng diện tích đất sử dụng là 25 ha (250.000 m²) theo Quyết định cho thuê đất số Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 và Hợp đồng thuê đất số 98/2012/HĐTĐ ngày 14/12/2012.

Toàn bộ phần diện tích đất được Công ty sử dụng ổn định từ khi được cấp phép khai thác đến nay.

2.1.2. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

Dự án có mối liên kết trực tiếp và hỗ trợ lẫn nhau với các công trình hạ tầng giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp và nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng tại địa bàn tỉnh và khu vực lân cận. Cụ thể:

- Sản phẩm đá xây dựng cung cấp cho các tuyến đường giao thông và công trình dân dụng.

- Đất tầng phủ làm vật liệu san lấp cho các dự án hạ tầng, khu dân cư mới.

Dự án cũng là một mắt xích trong chuỗi liên kết cung ứng nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư mới trong lĩnh vực bê tông thương phẩm, gạch không nung, cấu kiện bê tông... mà Công ty đang triển khai đầu tư trong vùng.

⇒ Tóm lại, việc điều chỉnh dự án mỏ đá Hồ Hành 1 là hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia, đồng thời tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành về tài nguyên khoáng sản, đầu tư và bảo vệ môi trường.

2.1.3. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.

Qua dữ liệu về hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học: Tính đa dạng sinh học rất thấp chủ yếu là cây tạp, cây bụi. Không có các loài cây gỗ quý hiếm cũng như động vật quý hiếm xuất hiện tại đây. Điều kiện thổ nhưỡng kém dinh dưỡng vì vậy khi khai thác sẽ tạo chênh lệch địa hình giữa khai trường và khu vực xung quanh, phương án cải tạo phục hồi được lựa chọn sau kết thúc khai thác của dự án sẽ thực hiện trồng cây, tạo hồ chứa nước góp phần phủ xanh khu vực, điều hòa vi khí hậu và tăng giá trị và hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên đất.

Căn cứ khoản 4, điều 25, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Khu vực dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường, khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường như sau:

Bảng 2: Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

STT	Yếu tố nhạy cảm về môi trường	Đánh giá tại dự án	Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường
1	Địa điểm thực hiện thuộc phường của đô thị loại đặc biệt, I, II, III, IV	Không có	Dự án nằm tại khu vực nông thôn, cách xã khu dân cư tập trung sinh sống
2	Xả thải vào nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt	Không có	Suối cạn không được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
3	Sử dụng đất thuộc khu bảo tồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng đất ngập nước quan trọng,...	Không có	Dự án khai thác trên nền khu vực được quy hoạch khoáng sản, không nằm trong khu vực bảo tồn, rừng phòng hộ.
4	Thuộc khu di sản thế giới, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia	Không có	Chùa gần nhất có khoảng cách gần nhất khoảng 550m. Dự án đang hoạt động trên nền hiện trạng cũ, không ảnh hưởng đến di tích hoặc danh thắng
5	Yêu cầu chuyển đổi đất lúa từ 2 vụ trở lên, rừng đặc dụng/phòng hộ.	Không có	Không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất đặc biệt này
6	Có yêu cầu di dân, tái định cư	Không có	Không ảnh hưởng đến khu dân cư, không yêu cầu di dời

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:**2.2.1. Nước thải**

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân khoảng 4,8 m³/ngày với thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, BOD, COD, tổng dầu mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật (coliform).

- Nước mưa chảy tràn bề mặt có thành phần ô nhiễm chủ yếu là dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, bùn đất.

2.2.2. Bụi và khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động khoan, nổ mìn, chế biến, vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Các thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi tổng, SO₂, NO_x, CO,...; tải lượng và nồng độ của bụi, khí thải phát sinh có tính cục bộ, phát sinh không liên tục chủ yếu là bụi có kích thước 0,05 – 0,1mm phát tán trong phạm vi khai trường khai thác, khu vực xung quanh và dọc tuyến đường vận chuyển,...

2.2.3. Chất thải rắn**a. Chất thải sinh hoạt**

Chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên phát sinh khoảng 24 kg/ngày. Các thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ (thức ăn thừa), chất thải vô cơ (các loại bao bì: túi nilong, chai nước,...) phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Chất thải rắn thông thường

- Khối lượng sinh khối phát sinh trong quá trình hoạt động, thành phần chủ yếu là cành cây, thân gỗ, cây lùm bụi, cỏ dại,....

- Khối lượng chất thải rắn do tháo dỡ hạng mục công trình (lán trại, trạm cân,...) sau khi kết thúc khai thác khoáng sản phát sinh khoảng 10 tấn và thành phần chủ yếu là tole; sắt, thép, cọc gỗ,...

c. Chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng 650 kg/năm với thành phần chủ yếu là các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; Bao bì cứng thải bằng kim loại; Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa nhớt thải); Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Pin, ắc quy chì thải.

2.2.4. Tiếng ồn và độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ cho công tác chuẩn bị mặt bằng và hoạt động khai thác khoáng sản..

- Quy chuẩn áp dụng:

+ Đối với tiếng ồn áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Đối với độ rung áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.2.5. Các tác động khác:

a. Tác động đến hệ thống giao thông

Quá trình khai thác khoáng sản có sự gia tăng mật độ phương tiện lưu thông trên các tuyến đường vận chuyển ra vào dự án, làm hư hỏng, xuống cấp một số tuyến đường mà phương tiện vận chuyển có tham gia, tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông,...

b. Tác động đến kinh tế - xã hội

Mục tiêu của dự án khai thác khoáng sản cung cấp nguồn nguyên liệu cho nhu cầu xây dựng tại địa phương và khu vực lân cận góp phần tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương, doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của một số hộ dân xung quanh và dọc tuyến đường vận chuyển khoáng sản, đặc biệt là do ảnh hưởng của bụi, an toàn giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn,...

c. Tai nạn lao động, trượt lở bờ moong, xói lở, bồi lắng

- Sự cố về an toàn lao động có thể xảy ra nếu người lao động không được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, không tuân thủ các quy tắc an toàn lao động theo quy định.

- Hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác có thể xảy ra nếu không đảm bảo góc dốc bờ moong khai thác, chiều cao tầng khai thác và không đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo quy định.

- Mặc khác do chênh lệch độ cao, khi có mưa tạo thành các dòng chảy theo địa hình và dưới tác động của trọng lực, độ cao vị trí sẽ tạo nên các dòng chảy rối có vận tốc khác nhau, gây nên các hiện tượng xói lở, bồi lắng tại khu vực, ảnh hưởng đến canh tác khu vực lân cận.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

Do loại hình thực hiện Dự án đơn giản, số lượng lao động tối đa khoảng 05 người không lưu trú tại dự án nên Công ty không tiến hành xây dựng các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Công ty chỉ tiến hành áp dụng một số biện pháp bảo vệ môi trường đơn giản, phù hợp như tưới đường giảm bụi trong quá trình vận chuyển, phủ bạt đối các xe có tải để hạn chế bụi phát tán do quá trình vận chuyển,...

Cụ thể như sau:

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (*tổng dung tích chứa 15 m³*). Sau đó, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (*6m³/ngày.đêm*) để xử lý đạt cột B ($k=1,2$) của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường (*nguồn tiếp nhận: suối cạn*).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại khu vực khai trường: Nước mưa theo hệ thống rãnh được bố trí dọc theo chân tầng khai thác, hướng dòng chảy về các hố lắng nằm dưới đáy moong ở vị trí thấp nhất trong ranh giới. Nước được dẫn về hố lắng có diện tích khoảng 7.000 m². Tại đây, nước được lắng lọc sơ bộ trước khi được tái sử dụng để sản xuất.

+ Tại khu chế biến: Mặt bằng khu chế biến được san gạt tạo độ dốc nhẹ để nước mưa chảy về các hố gom đặt tại vị trí thấp nhất. Nước được dẫn qua hệ thống rãnh đất bao quanh khu vực, có tiết diện hình thang (sâu 1 m, rộng mặt 1 m, rộng

đáy 0,5 m) dẫn về 02 hồ lắng (kích thước mỗi hồ lắng: sâu 2m ; rộng 2m, dài 2m). Nước sau khi được lắng cặn sẽ thoát tự nhiên qua suối cạn.

b. Đối với xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. Công ty thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng và vận hành như sau:

- Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc thăm thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng mỏ tại khu vực chưa khai thác đến; trồng thêm cây trên đai an toàn xung quanh mỏ. Trồng cây xung quanh khu chế biến giúp hạn chế bụi phát tán gây ảnh hưởng môi trường.

- Có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các xe vận chuyển tại trạm cân trước khi xe chở khoáng sản ra khỏi mỏ. Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường đất đường vận chuyển sản phẩm từ mỏ ra đến quốc lộ 1A trong quá trình sử dụng, duy tu bảo dưỡng hàng năm.

- Bố trí xe tưới nước làm ẩm đường vận chuyển khoáng sản ra quốc lộ 1A để hạn chế bụi phát tán ra môi trường và tăng cường tưới nước vào những ngày thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng.

- Các phương tiện vận chuyển khoáng sản phải được phủ bạt kín toàn thân xe, tránh để bụi bay, rơi vãi; sử dụng đúng trọng tải, thiết kế của động cơ, nhiên liệu,... theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về phương tiện giao thông đường bộ, giới hạn lớn nhất cho khí thải; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc định kỳ.

- Quá trình khai thác khoáng sản diễn ra trong thời gian từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Không hoạt động trong thời gian: Trưa từ 11h30 đến 13h30, chiều từ 17h00 đến 07h sáng hôm sau. Đối với công tác vận chuyển khoáng sản, cần bố trí thời gian ra vào mỏ phù hợp, không hoạt động vận chuyển khoáng sản vào 04 mốc thời gian sau trong 01 ngày: Từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 00 phút, từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút.

- Thường xuyên tu dưỡng, bảo trì các thiết bị, máy móc.

- Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại mỏ theo quy định.

2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn. Công ty thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường chủ yếu như sau:

- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có nắp đậy tại khu vực phụ trợ. Chất thải được phân loại và xử lý theo đúng quy định. Thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa rác và hợp đồng với đơn vị thu gom đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Sinh khối thu được từ quá trình phát quang (tận dụng được), Công ty bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt. Đối với phần không được tận dụng Công ty sẽ thu gom tập trung, phơi khô để xử lý bằng phương pháp đốt hoặc để tự phân hủy, bổ sung dinh dưỡng cho cây trồng phục vụ việc phục hồi môi trường sau khai thác. Khi tiến hành đốt, Công ty có trách nhiệm giám sát, lựa chọn thời điểm đốt vào những ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh phải được phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công ty bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 3 m²; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp,....

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt phát sinh được phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn vô cơ có thể tái chế (như vỏ lon, vỏ chai nhựa,...), Công ty tiến hành thu gom, lưu giữ và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu; chất thải rắn vô cơ, bao bì các loại không tái chế được thì lưu chứa bằng thùng chứa đặt tại khu vực lán trại và được Công ty mang đi tập kết chung để được xử lý theo quy định.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung như:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc và đảm bảo tiếng ồn, độ rung đạt Quy Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây tiếng ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép;

- Thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn (như máy xúc,...), vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, rung;

- Cán bộ, công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được trang bị thiết bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Giám sát hoạt động của các thiết bị, máy móc khi sử dụng đảm bảo phát sinh tiếng ồn, độ rung không vượt quá mức cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

a. Giám sát môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Vị trí giám sát: 05 điểm, gồm:
 - + 01 điểm cách khai trường đang khai thác 100m, cuối hướng gió;
 - + 01 điểm cách khai trường đang khai thác 100m, trên hướng gió;
 - + 01 điểm tại khu vực đường vận chuyển;
 - + 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của khu chế biến trên hướng gió 100m.
 - + 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của khu chế biến dưới hướng gió 100m.

Ghi chú: vị trí giám sát có thể thay đổi theo các mùa gió chủ đạo trong năm

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, CO, độ rung và tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn môi trường Việt Nam, gồm:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát môi trường nước mặt

- Tần suất giám sát: 01 lần vào mùa mưa (hoặc mùa có nước chảy).
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thoát nước ra suối Cạn.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, bảng 2, cột B).

c. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải nguy hại.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025

d. Các chương trình giám sát khác (giám sát sụt lún, trượt lở)

- Tần suất giám sát: thực hiện thường xuyên, đặc biệt là sau những trận mưa lớn

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thực hiện khai thác;

- Nội dung giám sát:

+ Thực hiện đo vẽ địa hình 6 tháng/lần lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực để theo dõi tình hình khai thác.

+ Xác định các nguy cơ, sự cố do sụt lún, sạt lở đất, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác xảy ra; Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn điện.

- Tuân thủ theo các quy định về tiêu thoát nước; phòng cháy chữa cháy; an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định pháp luật liên quan.

❖ Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường: Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

- Có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Công ty phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Công ty phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố và có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra theo quy định.

2.5. Các nội dung khác

Dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng thông thường Hồ Hành 1 tại phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa của Công ty TNHH Phước Thành thuộc loại hình khai thác khoáng sản với mỏ khai thác lộ thiên. Quá trình khai thác mỏ được khai thác theo địa hình và tiến hành trong 10 năm sau khi điều chỉnh nâng công suất.

Nội dung Dự án Cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/02/2012: Trồng cây xung quanh diện tích khu vực khai thác, bãi thải, khu công nghiệp, khu văn phòng, riêng phần diện tích sâu so với mặt bằng tự nhiên tại moong khai thác (+35m) sẽ tiến hành san gạt làm công rãnh thoát nước, biển báo hàng rào để tạo hồ cảnh quan.

Căn cứ điều kiện thực tế, ảnh hưởng của quá trình khai thác đối với môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực;... Phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại dự án:

a. Khu vực khai thác

- Trồng cây xanh xung quanh Dự án;
- Lắp đặt biển báo, hàng rào kẽm gai xung quanh dự án;
- Gia cố bờ moong song song với quá trình khai thác. Đưa góc kết thúc khai thác về đúng thiết kế đã được duyệt.
- Lắp đặt hệ thống công lưu thoát nước, cải tạo hồ lưu chứa nước.
- Trồng cây đáy moong khai thác.

b. Khu vực chế biến

- Thực hiện trồng cây xung quanh khu chế biến;
- Sau khi kết thúc khai thác:
 - + Tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ;
 - + San gạt mặt bằng sân công nghiệp;
 - + Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường,
- Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển.

Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Cam kết của Chủ dự án

Công ty cam kết thực hiện thi công đúng vị trí, diện tích và khối lượng khai thác theo đúng theo giấy phép được phê duyệt. Khai thác theo đúng phương án thi công đã được cấp có thẩm quyền thẩm định.

Áp dụng, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường; công tác cải tạo phục hồi môi trường đã được đề xuất. Trước khi Dự án đi vào hoạt động, Công ty sẽ niêm yết tại địa phương và định kỳ Công ty sẽ báo cáo tiến độ thực hiện dự án về UBND xã để có cơ sở, thông tin kiểm tra, theo dõi.

Công ty cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động tại địa phương, Công ty cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương.

Cuối cùng, Công ty cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam có liên quan và cam kết đền bù và khắc phục trong trường hợp xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường do triển khai dự án./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Châu

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày ... tháng ... năm 2025.